



**BÁO CÁO**  
**CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH**  
**VÀ KẾT QUẢ CHỈ SỐ**  
**NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH PCI NĂM 2008**

*BỐN TỈNH AN GIANG, ĐẮL LẮK, HƯNG YÊN VÀ QUẢNG NAM*

## LỜI NÓI ĐẦU

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Dự án Nâng cao Năng lực Cạnh tranh Việt Nam (VNCI) phối hợp xây dựng và thực hiện là chỉ số đo lường và xếp hạng chất lượng điều hành kinh tế của 64 tỉnh, thành phố của Việt Nam dựa trên môi trường kinh doanh cho sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.

Hiểu rõ hơn mức độ cải thiện môi trường kinh doanh thông qua kết quả chỉ số PCI 2008 của 4 tỉnh nằm trong diện hỗ trợ của Chương trình Hỗ trợ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của Dự án GTZ là một yêu cầu rất cần thiết. Đây là những tỉnh có được sự hỗ trợ kỹ thuật hiệu quả từ Dự án GTZ và cũng đã có những bước tiến tích cực về cải thiện môi trường kinh doanh thể hiện qua kết quả Chỉ số PCI từ năm 2005 đến nay. Do vậy, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cùng phối hợp với GTZ cùng xây dựng một báo cáo phân tích kết quả điều tra PCI 2008 cho bốn tỉnh, thành phố này.

Báo cáo này do nhóm nghiên cứu của Ban Pháp chế của VCCI thực hiện. Báo cáo phân tích này sử dụng nhiều dữ liệu từ kết quả điều tra PCI 2006, PCI 2007 và PCI 2008, một nghiên cứu chung của VCCI và VNCI. Nhóm nghiên cứu cảm ơn sự hỗ trợ và hợp tác rất hiệu quả của VNCI để chúng tôi hoàn thành được báo cáo này.

Báo cáo này cũng đã nhận được sự quan tâm và ủng hộ của ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch VCCI, bà Doris Becker, Cố vấn trưởng và ông Lê Duy Bình, Phó Giám đốc Chương trình, Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ).

*Hà Nội, tháng 4 năm 2009*

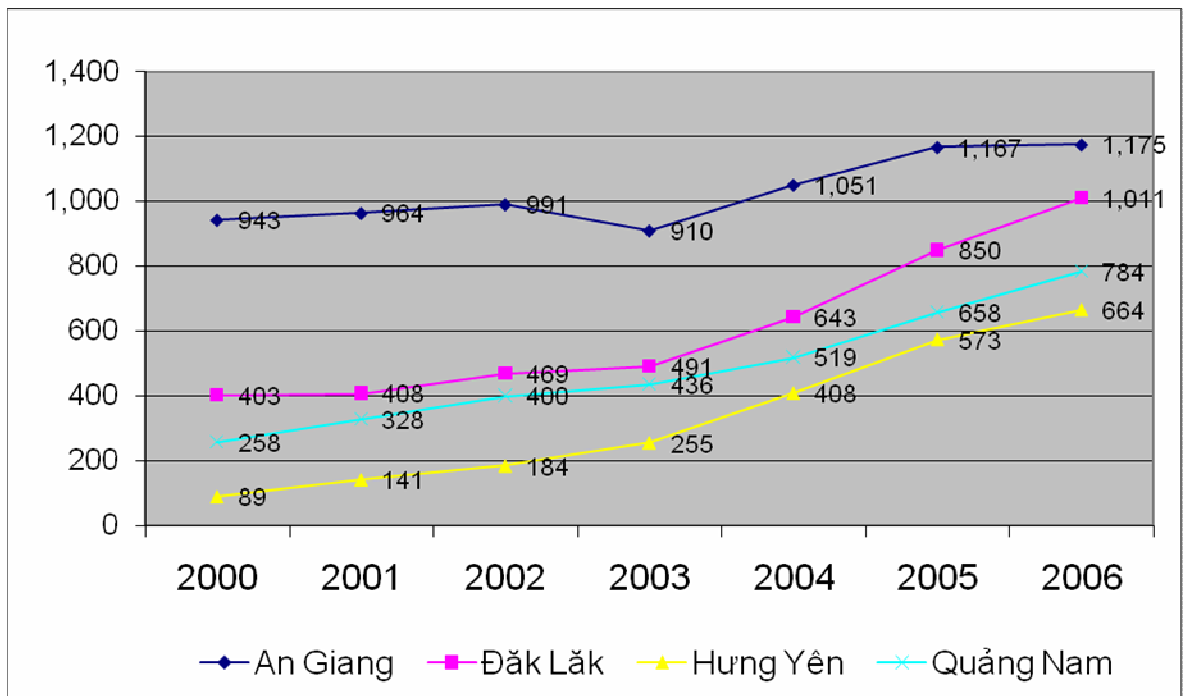
## **1. Sự phát triển khu vực doanh nghiệp dân doanh tại bốn tỉnh An Giang, Đắk Lắk, Hưng Yên và Quảng Nam**

Theo số liệu Tổng Điều tra doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê, tính đến 31/12/2006 thì số lượng doanh nghiệp dân doanh của An Giang là 1.175 doanh nghiệp, Đắk Lắk là 1.011 doanh nghiệp, Hưng Yên 664 doanh nghiệp và Quảng Nam là 784 doanh nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng doanh nghiệp dân doanh bình quân của An Giang bình quân từ 2001 đến 2006 là 14%, cùng giai đoạn này của Đắk Lắk là 17%, Hưng Yên là 41% và Quảng Nam là 21%. Bình quân giai đoạn này, cả nước tăng trưởng 24%. Trong giai đoạn từ 2001 đến 2004, ngoại trừ Hưng Yên, tốc độ tăng trưởng doanh nghiệp dân doanh của bốn tỉnh nói trên đều xấp xỉ  $\frac{1}{2}$  tốc độ tăng trưởng bình quân của cả nước. Chẳng hạn như trong bốn năm này mức độ tăng trưởng doanh nghiệp dân doanh của An Giang chỉ 3%, Đắk Lắk 13%, Quảng Nam 19% so với bình quân chung cả nước là 26%. Lưu ý rằng trong giai đoạn này, tốc độ phát triển doanh nghiệp dân doanh của các nước rất mạnh mẽ do Luật Doanh nghiệp 1999, một đạo luật quan trọng tháo gỡ những rào cản trong thành lập doanh nghiệp, có hiệu lực từ 1/1/2000.

Thế nhưng, trong giai đoạn 2 năm 2005 và 2006 thì tốc độ phát triển của khu vực doanh nghiệp dân doanh tại bốn tỉnh này đều rất ấn tượng. Hai năm này ngoại trừ An Giang, ba tỉnh còn lại là Đắk Lắk, Hưng Yên và Quảng Nam đều có mức tăng trưởng cao hơn nhiều so với giai đoạn trước đó và cao hơn so với bình quân chung của cả nước (kết quả cụ thể xem Bảng 1 và Hình 1).

**Hình 1: Tăng trưởng số lượng doanh nghiệp dân doanh 4 tỉnh 2000 - 2006**



**Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng doanh nghiệp dân doanh 4 tỉnh**

<i>Tỉnh</i>	<i>Bình quân cả giai đoạn 2000 – 2006 (%)</i>	<i>Bình quân 2 năm (2005-2006) (%)</i>	<i>Bình quân 5 năm (2000 – 2004) (%)</i>
An Giang	104	106	103
Đắk Lắk	117	126	113
Hưng Yên	141	128	147
Quảng Nam	121	123	119
<b><i>Cả nước</i></b>	<b><i>124</i></b>	<b><i>122</i></b>	<b><i>126</i></b>

## 2. Tổng quan về kết quả PCI 2008 của bốn tỉnh

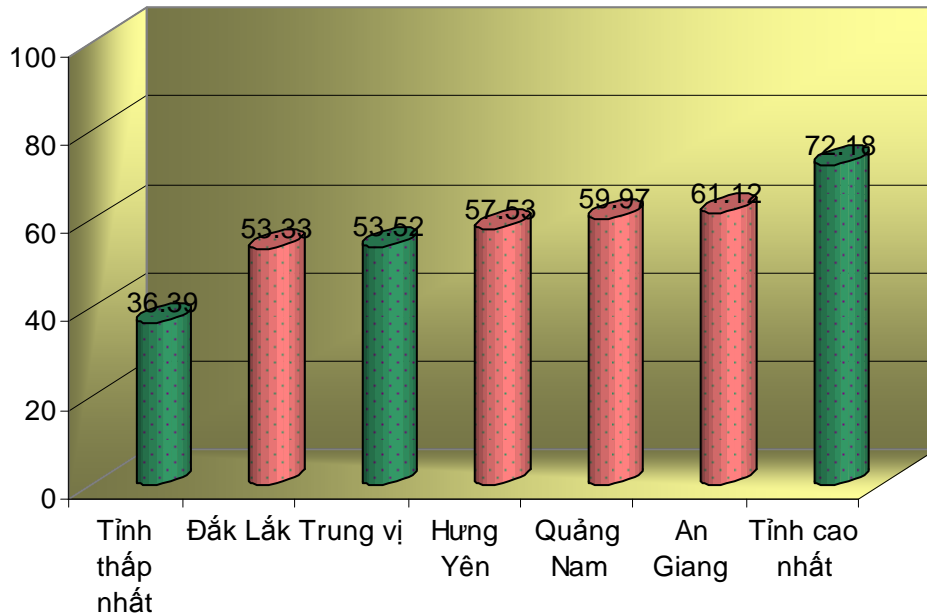
Bốn tỉnh An Giang, Đắk Lắk, Hưng Yên và Quảng Nam đều thuộc nhóm các tỉnh nhóm Trung bình trở lên. Kể từ năm 2005, thời điểm chỉ số PCI lần đầu tiên được công bố cho đến nay, bốn tỉnh đã có những mức tăng trưởng ấn tượng và điểm số PCI của các tỉnh này đều có sự cải thiện đáng kể. Mức tăng điểm qua các năm lên tới gần 10 điểm. Đặc biệt tỉnh An Giang đã cải thiện vị trí thứ hạng của mình một cách đáng kể từ năm 2005 đến năm 2008 (năm 2008 thứ hạng 9 so với thứ hạng 35 của năm 2005). Hưng Yên cũng là tỉnh có tăng điểm liên tục từ năm 2006 (năm đầu tiên VCCI điều tra cả 64 tỉnh thành) cho tới năm 2008 (55,97 điểm năm 2006 so với 57,47 điểm năm 2007 và 57,53 điểm năm 2008). Đặc biệt, nếu đặt bốn tỉnh này trong tương quan so sánh vùng thì cả bốn tỉnh đều đứng ở vị trí khá cao trong vùng.

**Bảng 2:**

Tỉnh, thành phố	PCI 2008		PCI 2007		PCI 2006		PCI2005	
	Điểm số	Thứ hạng (64 tỉnh)	Điểm số	Thứ hạng (64 tỉnh)	Điểm số	Thứ hạng (64 tỉnh)	Điểm số	Thứ hạng (42 tỉnh)
<b>Tỉnh thấp nhất</b>	36.39	64	37.96	64	36.76	64	38.81	42
<b>An Giang</b>	61.12	9	66.47	6	60.45	9	50.90	35
<b>Quảng Nam</b>	59.97	14	62.92	13	56.42	14	59.72	17
<b>Hưng Yên</b>	57.53	20	57.47	26	55.97	16	60.03	16
<b>Đắk Lắk</b>	53.33	33	51.05	48	51.65	35		
<b>Tỉnh cao nhất</b>	72.18	1	77.20	1	76.23	1	76.82	1

**Hình 2:**

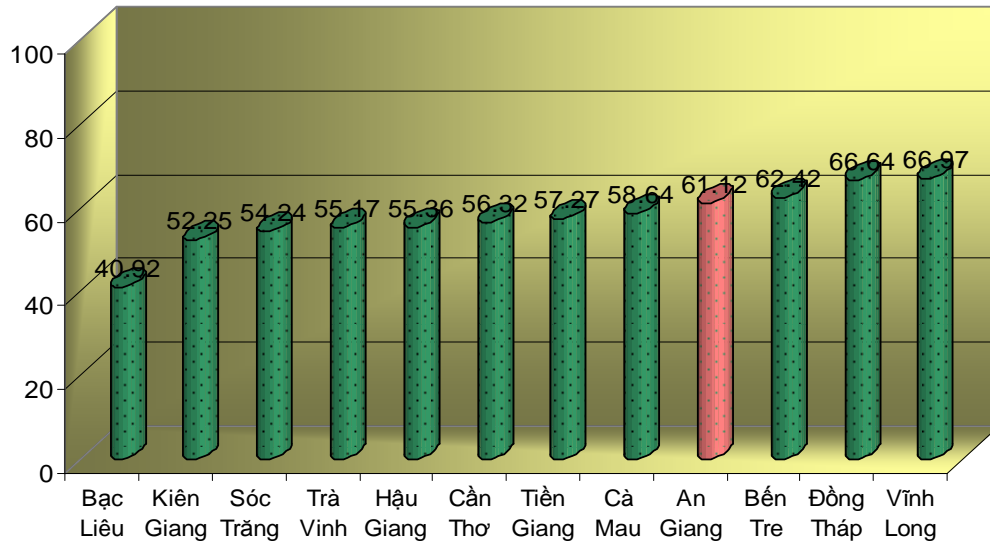
**PCI2008 của bốn tỉnh An Giang, Quảng Nam, Hưng Yên và Đắk Lắk**



Với kết quả của PCI năm 2008 An Giang được 61,12 điểm (điểm tối đa là 100 điểm), xếp thứ 6 trên 64 tỉnh, thành phố của cả nước, nằm trong nhóm tỉnh Tốt. Mặc dù so với điểm PCI năm 2006, An Giang có mức tăng điểm khá ngoạn mục ở năm 2007 với 6,02 điểm (66,47 điểm năm 2007 so với 60,45 điểm năm 2006) nhưng sang năm 2008 điểm PCI của An Giang đã giảm tới 5,34 điểm so với năm 2007 (61,12 điểm so năm 2008 so với 66,47 điểm năm 2007) xếp thứ 9 trên 64 tỉnh thành phố. Nếu tính của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long thì An Giang đứng thứ 4 trong chỉ số PCI 2008.

**Hình 3:**

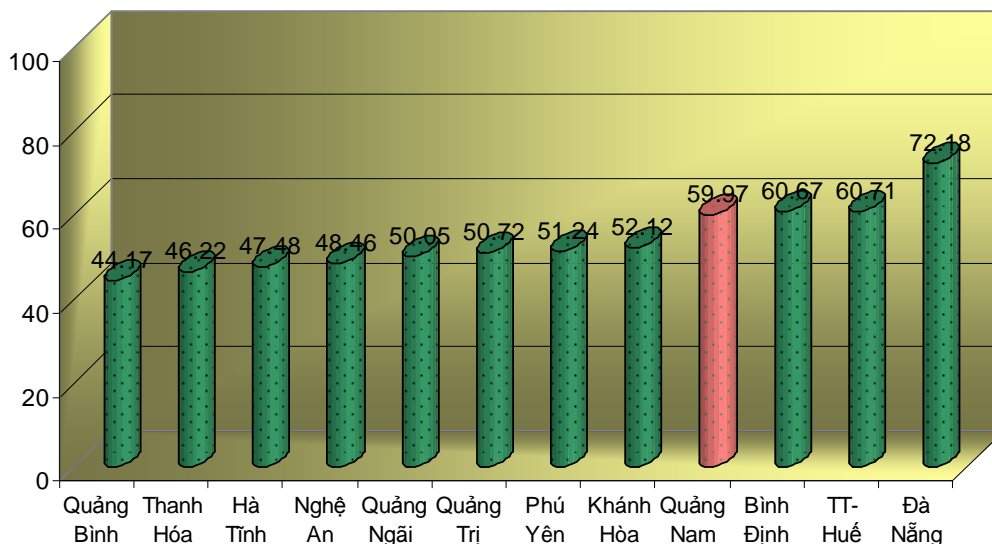
**PCI 2008 của An Giang và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long**



Quảng Nam cũng là tỉnh có sự giảm điểm PCI năm 2008 so với năm 2007, nhưng mức giảm nhẹ hơn so với An Giang và ở mức 2,95 điểm (59,97 điểm năm 2008 so với 62,92 điểm năm 2007). Với kết quả này, năm 2008 Quảng Nam đứng đầu nhóm tỉnh Khá xếp thứ 14 trên 64 tỉnh, thành phố của cả nước. Trong ba năm 2006, 2007 và 2008, thứ hạng của Quảng Nam trong 64 tỉnh thành phố khá ổn định ở thứ hạng 13-14 trên 64. Nếu tính của khu vực Duyên hải miền Trung thì Quảng Nam đứng ở vị trí thứ 4.

**Hình 4:**

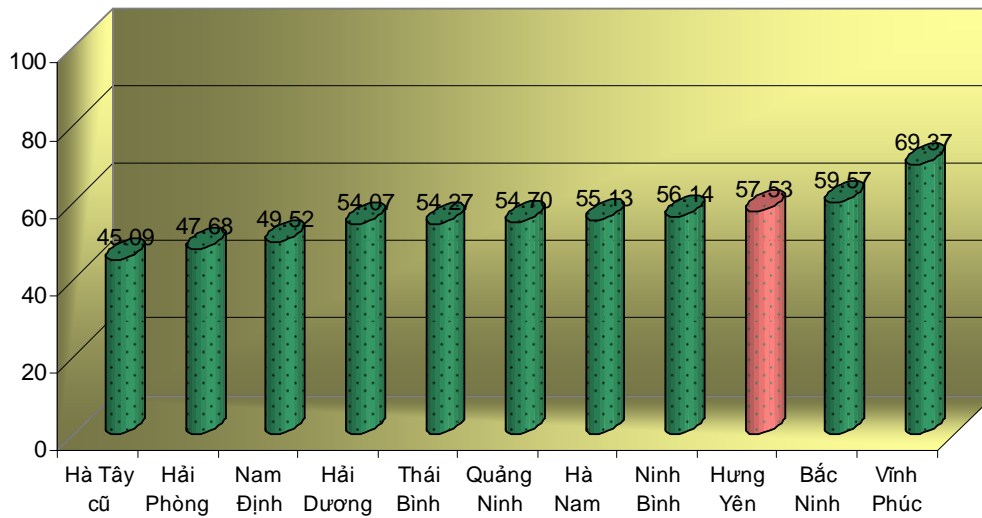
**PCI2008 của Quảng Nam và khu vực Duyên hải miền Trung**



Điểm số PCI 2008 của tỉnh Hưng Yên là 57,23 điểm, xếp thứ hạng 20 trên 64 tỉnh thành phố, nằm trong nhóm tỉnh Khá. Hưng Yên được ghi nhận là tỉnh có điểm PCI tăng liên tiếp trong 3 năm (57,23 điểm năm 2008 so với 57,47 điểm năm 2007 và 55,97 điểm năm 2006). Trong khu vực Đồng bằng sông Hồng, Hưng Yên đứng ở vị trí thứ 3, sau Vĩnh Phúc và Bắc Ninh.

**Hình 5:**

**PCI2008 của tỉnh Hưng Yên và khu vực Đồng bằng sông Hồng**

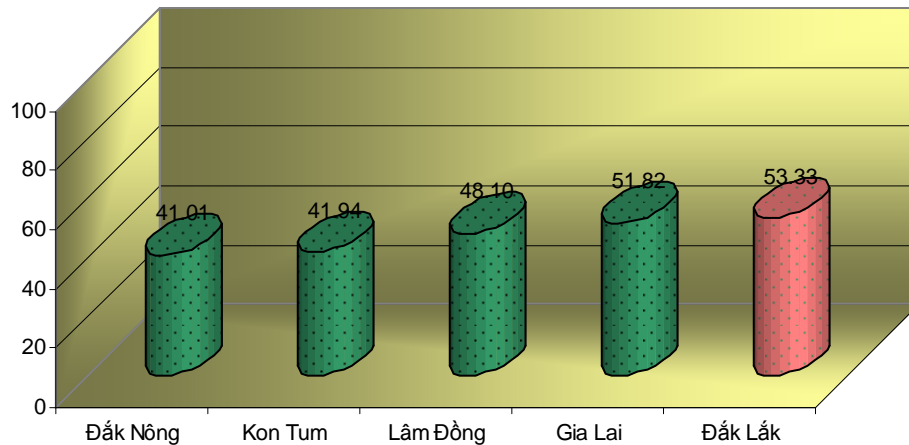


Tỉnh còn lại trong nhóm bốn tỉnh này là Đắk Lắk, có điểm số PCI 2008 là 53,33 điểm, xếp hạng 33 trên 64 tỉnh thành phố, nằm trong nhóm tỉnh Trung bình. Mặc dù hầu hết các tỉnh trong cả nước đều có xu hướng giảm điểm ở năm 2008 so với năm 2007 thì Đắk Lắk lại là một trong những tỉnh có những cải thiện trong điểm số của mình (53,33 điểm năm 2008 so với 51,05 điểm năm 2007). Điều này lại càng đáng ghi nhận hơn khi điểm số năm 2007 của Đắk Lắk giảm nhẹ so với năm 2006 (51,05 điểm năm 2007 so với 51,65 điểm năm 2006). Việc tăng điểm này cũng đã góp phần vào tăng 15 bậc thứ hạng của Đắk Lắk trong năm 2008 (đứng thứ 33 năm 2008 so với thứ 48 trong năm 2007) và giúp cho Đắk Lắk là tỉnh đứng đầu về điểm số PCI trong khu vực Tây Nguyên.



**Hình 6:**

**PCI2008 của Đắk Lắk và Khu vực Tây Nguyên**



**3. An Giang, Đắk Lắk, Hưng Yên, Quảng Nam và tỉnh trung vị của cả nước**

So với tỉnh trung vị<sup>1</sup> của cả nước thì có ¾ tỉnh được nghiên cứu trong báo cáo này có điểm PCI2008 cao hơn. Đó là Quảng Nam, Hưng Yên và An Giang. Đắk Lắk là tỉnh duy nhất có điểm số PCI2008 thấp hơn tỉnh trung vị, nhưng Đắk Lắk là tỉnh nằm trong nhóm tỉnh Trung bình nên mức chênh lệch cũng không đáng kể là 0,19 điểm. Ngoài ra, Đắk Lắk là tỉnh có kết quả PCI 2008 với kết quả và mức tăng rất ấn tượng.

Đặc biệt, có 3 chỉ số thành phần là Tính minh bạch và tiếp cận thông tin, Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh, Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân cả bốn tỉnh đều có điểm cao hơn tỉnh trung vị.

An Giang là tỉnh có điểm số PCI 2008 cao hơn tỉnh trung vị nhiều nhất, là 7,61 điểm (61,12 điểm so với 53,52 điểm). Trong đó:

6/10 chỉ số thành phần của của tỉnh An Giang cao hơn tỉnh trung vị, đó là các chỉ số thành phần Tiếp cận đất đai (7,33 điểm so với 6,68 điểm), Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (7 điểm so với 6,32 điểm), Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh (7,63 điểm so với 5,56 điểm), Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân (4,87 điểm so với 3,35 điểm), Đào tạo lao động (4,90 điểm so với 4,25 điểm), Thiết chế pháp lý (5,44 điểm so với 4,66 điểm).

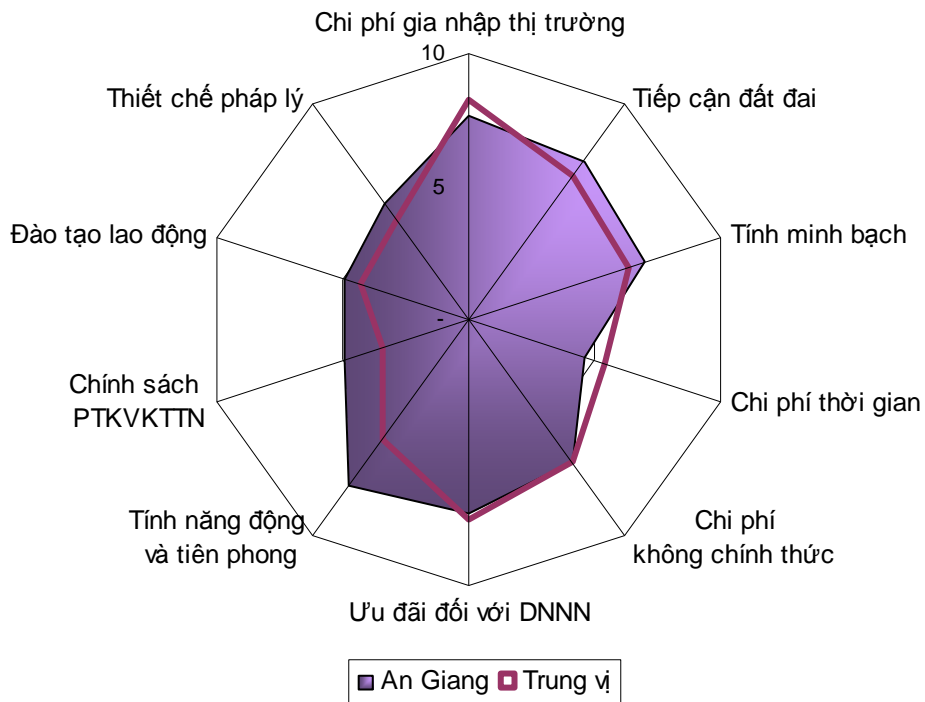
<sup>1</sup> Trung vị là một khái niệm dùng trong thống kê (từ tiếng Anh là median), là số tách giữa nửa lớn hơn và nửa bé hơn của một mẫu, một quần thể hay một phân bố xác suất. Trong xếp hạng PCI, tỉnh trung vị là tỉnh nằm giữa trong 64 tỉnh, thành của PCI, một tỉnh điển hình, có thể so sánh được theo từng năm.

3/10 chỉ số thành phần của tỉnh An Giang thấp hơn tỉnh trung vị, đó là các chỉ số Chi phí gia nhập thị trường (7,64 điểm so với 8,26 điểm), Chi phí thời gian (4,62 điểm so với 5,38 điểm), Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước (7,32 điểm so với 7,53 điểm).

Riêng có điểm số Chi phí không chính thức, An Giang có điểm bằng tỉnh trung vị. (Chi tiết xem hình 7 và Phụ lục)

**Hình 7:**

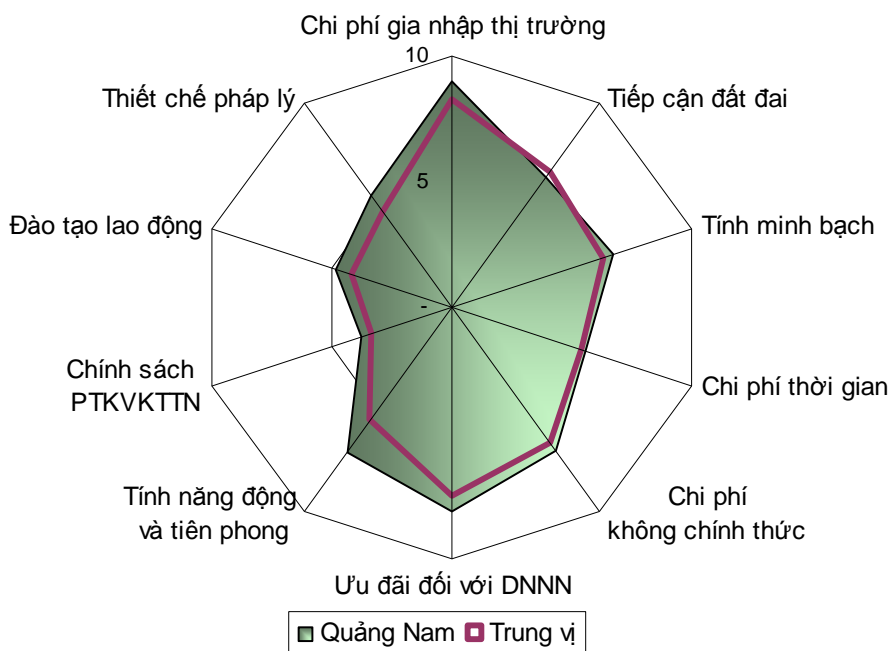
**So sánh kết quả PCI 2008 của tỉnh An Giang và tỉnh trung vị của cả nước**



Điểm PCI 2008 của tỉnh Quảng Nam cao hơn tỉnh trung vị là 6,45 điểm (59,97 điểm so với 53,52 điểm) và có tới 9/10 chỉ số thành phần của Quảng Nam cao hơn tỉnh trung vị. Đó là các chỉ số thành phần Chi phí gia nhập thị trường (8,99 điểm so với 8,26 điểm), Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (6,75 điểm so với 6,32 điểm), Chi phí thời gian (5,51 điểm so với 5,38 điểm), Chi phí không chính thức (7,05 điểm so với 6,65 điểm), Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước (8,09 điểm so với 7,53 điểm), Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh (7,14 điểm so với 5,56 điểm), Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân ( 3,76 điểm so với 3,35 điểm), Đào tạo lao động (4,85 điểm so với 4,25 điểm), Thiết chế pháp lý (5,45 điểm so với 4,66 điểm).

Chỉ có chỉ số thành phần Tiếp cận đất đai của tỉnh Quảng Nam là thấp hơn tỉnh trung vị (6,41 điểm so với 6,68 điểm). (Chi tiết xem hình 8 và Phụ lục)

**Hình: So sánh kết quả PCI 2008 của tỉnh Quảng Nam và tỉnh trung vị của cả nước**

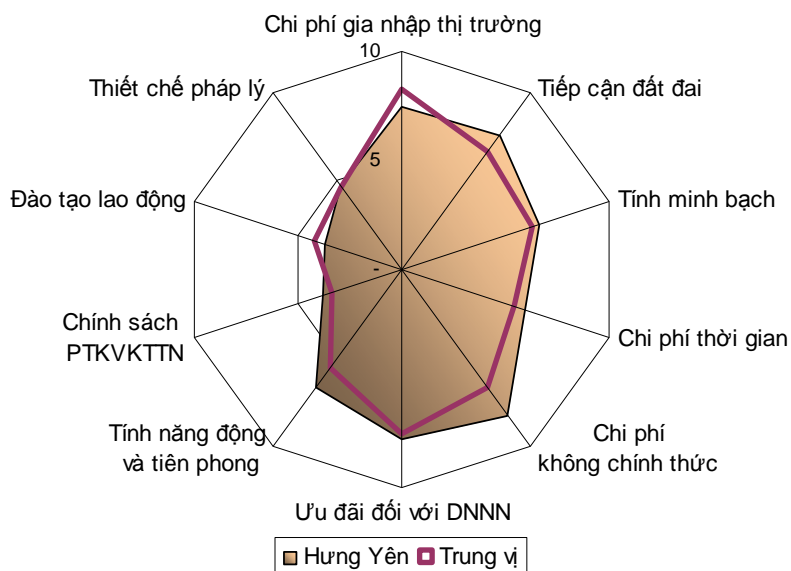


Cao điểm hơn điểm trung vị ở điểm số PCI 2008 4,01 điểm (57,53 điểm so với 53,52 điểm), Hưng Yên có tới 8/10 chỉ số thành phần cao hơn tỉnh trung vị. Đó là các điểm chỉ số thành phần: Tiếp cận đất đai (7,65 điểm so với 6,68 điểm), Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (6,68 điểm so với 6,32 điểm), Chi phí thời gian (5,98 điểm so với 5,38 điểm), Chi phí không chính thức (8,30 điểm so với 6,65 điểm), Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước (7,81 điểm so với 7,53 điểm), Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh (6,61 điểm so với 5,56 điểm), Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân ( 3,79 điểm so với 3,35 điểm), Thiết chế pháp lý (4,74 điểm so với 4,66 điểm).

Có 2/10 chỉ số thành phần của tỉnh Hưng Yên thấp hơn tỉnh trung vị là Chi phí gia nhập thị trường (7,47 điểm so với 8,26 điểm) và Đào tạo lao động (3,72 điểm so với 4,25 điểm). (Chi tiết xem hình 9 và Phụ lục)

**Hình 9:**

**So sánh kết quả PCI 2008 của tỉnh Hưng Yên và tỉnh trung vị của cả nước**



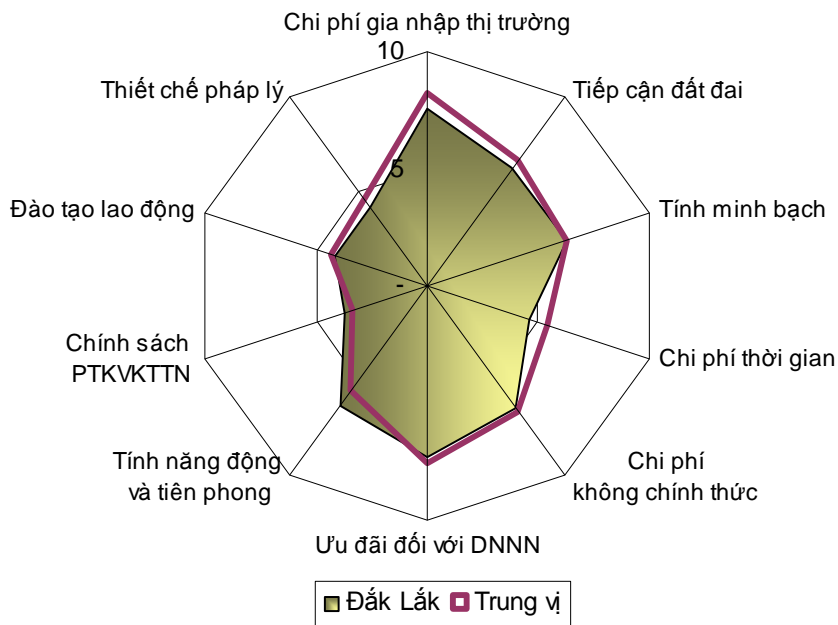
Đắc lắ là tỉnh đứng đầu khu vực Tây Nguyên trong PCI có điểm số PCI 2008 thấp hơn tỉnh trung vị (53,33 điểm so với 53,52 điểm), mặc dù mức thấp hơn là không đáng kể nhưng điều này cũng cho thấy, các tỉnh ở Khu vực Tây nguyên hiện vẫn còn nhiều vấn đề cần cải thiện.

Đắc lắ chỉ có 3/10 chỉ số thành phần cao hơn tỉnh trung vị. Đó là các chỉ số thành phần: Tỉnh minh bạch và tiếp cận thông tin (6,34 điểm so với 6,32 điểm), Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh (6,34 điểm so với 5,56 điểm), Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân ( 3,70 điểm so với 3,35 điểm).

7/10 chỉ số thành phần của Đắc lắ thấp hơn tỉnh trung vị là: Chi phí gia nhập thị trường (7,58 điểm so với 8,26 điểm), Tiếp cận đất đai (6,22 điểm so với 6,68 điểm), Chi phí thời gian (4,63 điểm so với 5,38 điểm), Chi phí không chính thức (6,49 điểm so với 6,65 điểm), Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước (7,34 điểm so với 7,53 điểm), Đào tạo lao động (4,13 điểm so với 4,25 điểm), Thiết chế pháp lý (4,11 điểm so với 4,66 điểm). (Chi tiết xem hình 10 và Phụ lục).

**Hình 10:**

**So sánh kết quả PCI 2008 của tỉnh Đắk Lắk và tỉnh trung vị của cả nước**

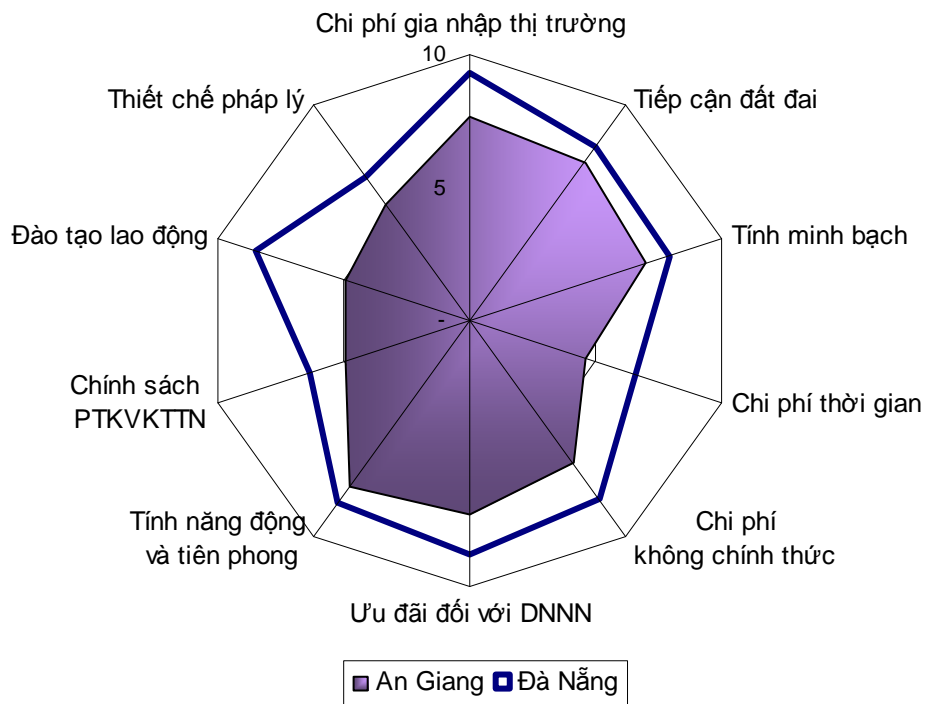


#### **4. An Giang, Đắk Lắk, Hưng Yên, Quảng Nam và các tỉnh dẫn đầu**

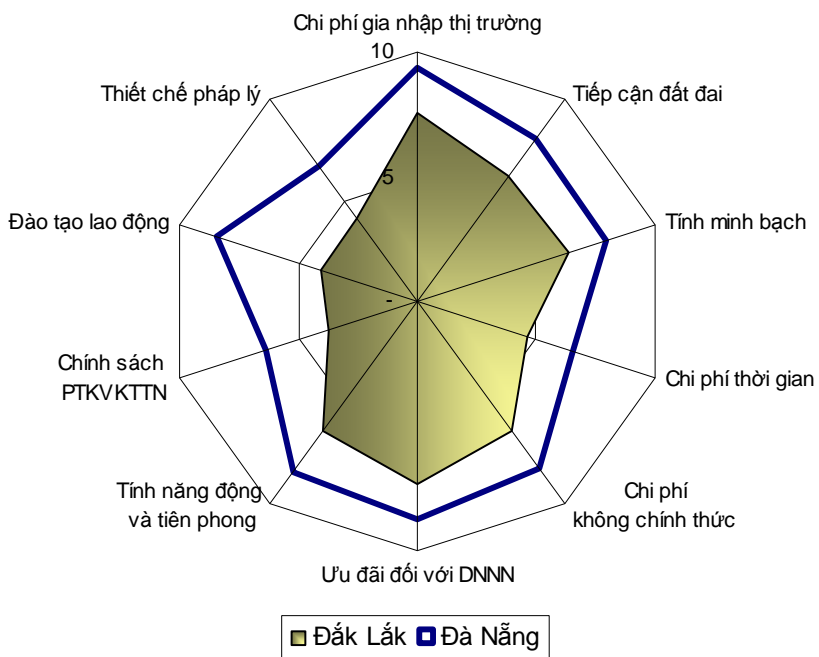
##### **4.1. So với Đà Nẵng**

So với Đà Nẵng, không có một chỉ số thành phần nào của 4 tỉnh thuộc diện nghiên cứu có điểm cao hơn. Chỉ duy nhất có điểm chỉ số Chi phí không chính thức của Hưng Yên là bằng với Đà Nẵng. Mức chênh lệch nhiều nhất rơi vào chỉ số Đào tạo lao động của Hưng Yên với số điểm thấp hơn là 4,68 điểm (3,72 điểm của Hưng Yên so với 8,40 điểm của Đà Nẵng).

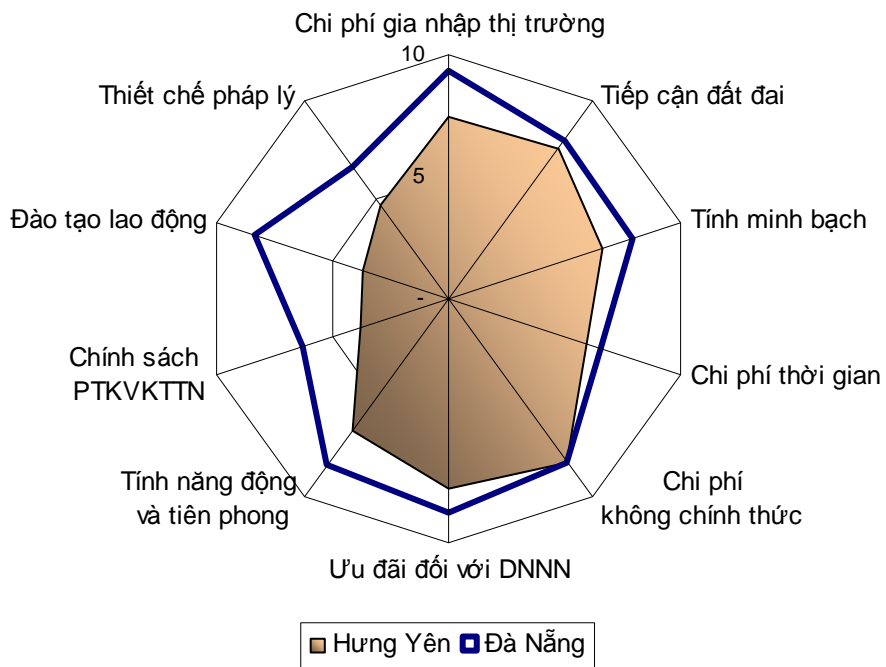
**Hình 11:**  
**PCI 2008 của An Giang và Đà Nẵng**



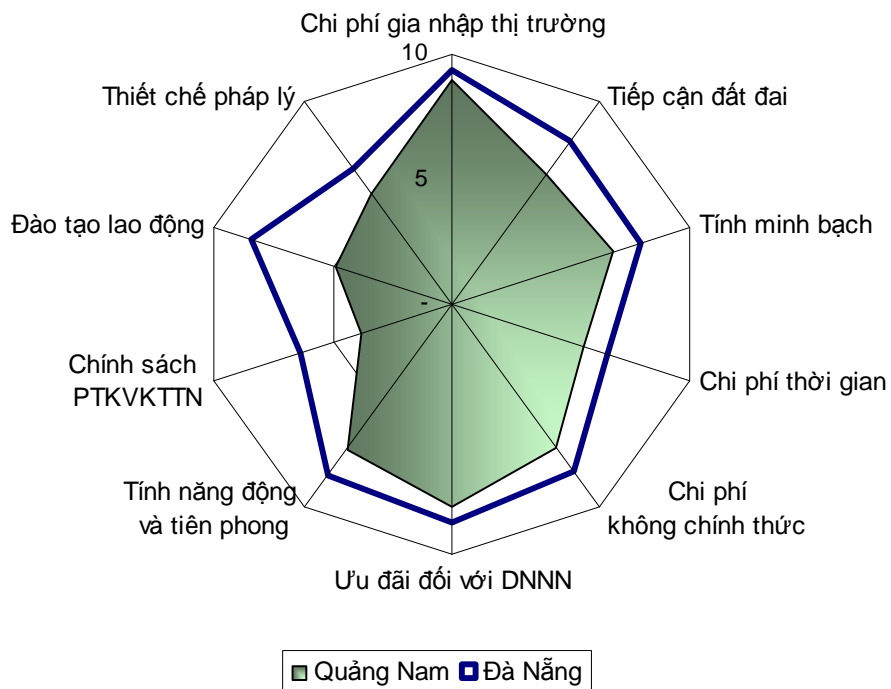
**Hình 12:**  
**PCI 2008 của Đắk Lắk và Đà Nẵng**



**Hình 13:**  
**PCI 2008 của Hưng Yên và Đà Nẵng**



**Hình 14:**  
**PCI2008 của Quảng Nam và Đà Nẵng**



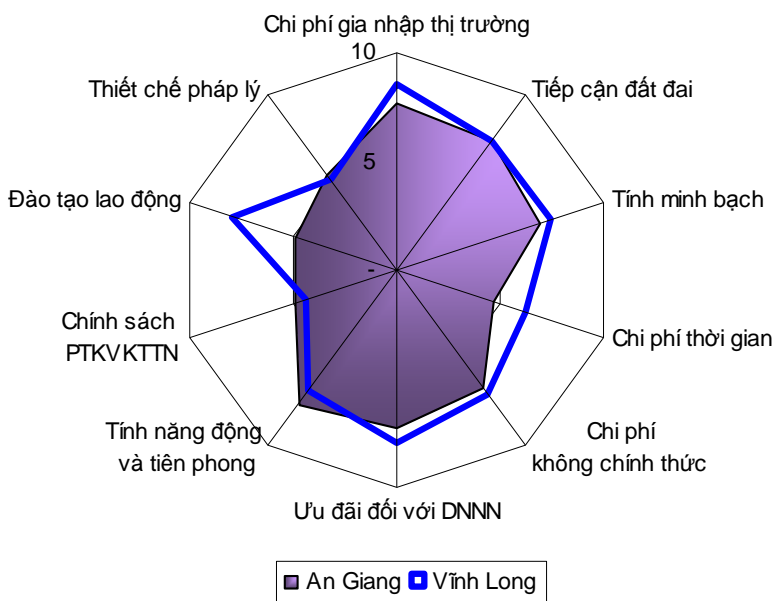
#### 4.2. So sánh với các tỉnh trong khu vực

So với tỉnh dẫn đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long là tỉnh Vĩnh Long, chỉ có 3/10 chỉ số thành phần của An Giang cao điểm hơn là Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương (7,63 điểm so với 6,94 điểm), Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân (4,87 điểm so với 4,39 điểm) và Thiết chế pháp lý (5,44 điểm so với 5,16 điểm).

Mức chênh lệch của 7/10 chỉ số thành phần của An Giang thấp hơn của Vĩnh Long cũng không đồng đều. Sự chênh lệch này nằm trong khoảng từ hơn 0 điểm cho tới hơn 3 điểm. Chênh lệch thấp hơn nhiều nhất là chỉ số Đào tạo lao động (4,90 điểm so với 7,93 điểm). Chênh lệch thấp hơn ít nhất là chỉ số Tiếp cận đất đai (7,33 điểm so với 7,35 điểm). Các chỉ số thấp hơn khác là Chi phí gia nhập thị trường (7,64 điểm so với 8,59 điểm), Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (7 điểm so với 7,45 điểm), Chi phí thời gian (4,62 điểm so với 6,25 điểm), Chi phí không chính thức (6,65 điểm so với 7,10 điểm), Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước (7,32 điểm so với 7,93 điểm).

**Hình 15:**

#### **PCI 2008 của An Giang và Vĩnh Long**

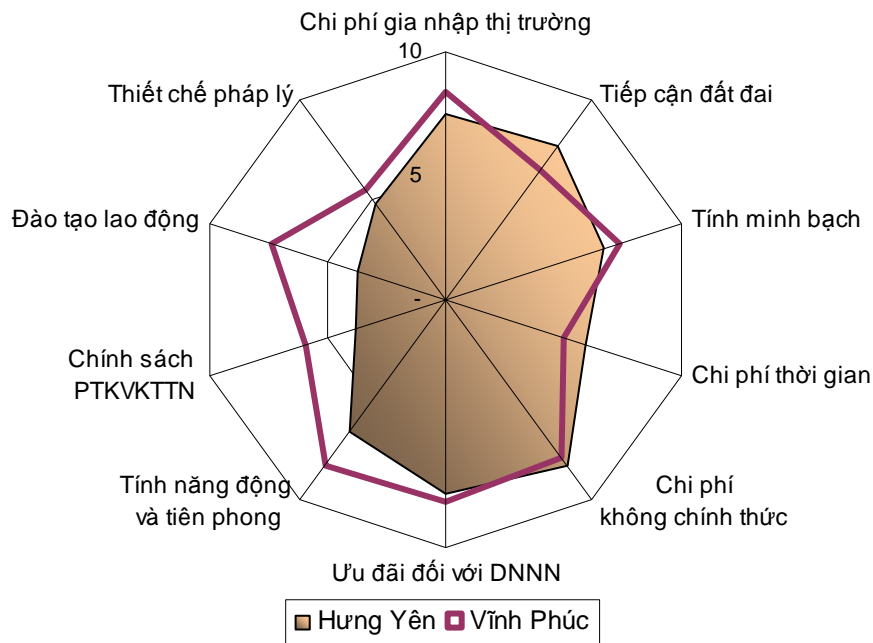


Cũng giống như An Giang, so với tỉnh dẫn đầu trong khu vực Đồng bằng sông Hồng là tỉnh Vĩnh Phúc, Hưng Yên có 3/10 chỉ số thành phần cao điểm hơn là Tiếp cận đất đai (7,65 điểm so với 6,47 điểm), Chi phí thời gian (5,98 điểm so với 4,99 điểm), Chi phí không chính thức (8,30 điểm so với 7,94 điểm).



7/10 chỉ số thấp điểm hơn là Chi phí gia nhập thị trường (7,47 điểm so với 8,37 điểm), Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (6,68 điểm so với 7,39 điểm), Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước (7,81 điểm so với 8,17 điểm), Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh (6,61 điểm so với 8,23 điểm), Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân (3,79 điểm so với 5,95 điểm), Đào tạo lao động (3,72 điểm so với 7,37 điểm), Thiết chế pháp lý (4,74 điểm so với 5,50 điểm).

**Hình 16:**  
**PCI 2008 của Hưng Yên và Vĩnh Phúc**



Đứng đầu khu vực Duyên hải miền Trung là Đà Nẵng cũng chính là tỉnh đứng đầu cả nước trong PCI2008. So sánh giữa Quảng Nam và Đà Nẵng đã được nhắc tới ở phần trên nên phần này sẽ không có phân tích giữa Quảng Nam và tỉnh dẫn đầu khu vực.

Đắc Lắc là tỉnh đứng đầu khu vực Tây Nguyên nên ở phần này cũng sẽ không có phần phân tích giữa Đắc Lắc và tỉnh dẫn đầu khu vực.

## 5. Kết quả PCI An Giang, Đắk Lắk, Hưng Yên, Quảng Nam qua 3 năm 2006, 2007 và 2008<sup>2</sup>

### 5.1. Chỉ số PCI tổng hợp

Nếu sắp xếp thứ tự điểm của 4 tỉnh thuộc diện nghiên cứu của báo cáo này thì có thể thấy qua ba năm không hề có sự thay đổi. An Giang vẫn khẳng định được vị trí đứng đầu của mình, tiếp đến là Quảng Nam, Hưng Yên và đứng cuối là Đắk Lắk.

Tuy nhiên, khi nhìn vào điểm của từng tỉnh qua 3 năm thì Hưng Yên và Đắk Lắk khẳng định sự tiến bộ qua từng năm và gần như năm nào cũng tăng điểm hoặc nếu giảm thì giảm không đáng kể. Trong khi đó, điểm của An Giang và Quảng Nam tăng giảm không ổn định qua 3 năm. Hai tỉnh này đều đã có bước nhảy vọt về điểm PCI ở năm 2007 nhưng lại giảm sút trong năm 2008. Con số này tuy chưa nói lên được nhiều điều nhưng điểm đáng ghi nhận là các tỉnh ở các nhóm thấp hơn đang nỗ lực từng bước vững chắc để cải thiện chỉ số PCI của mình qua các năm.

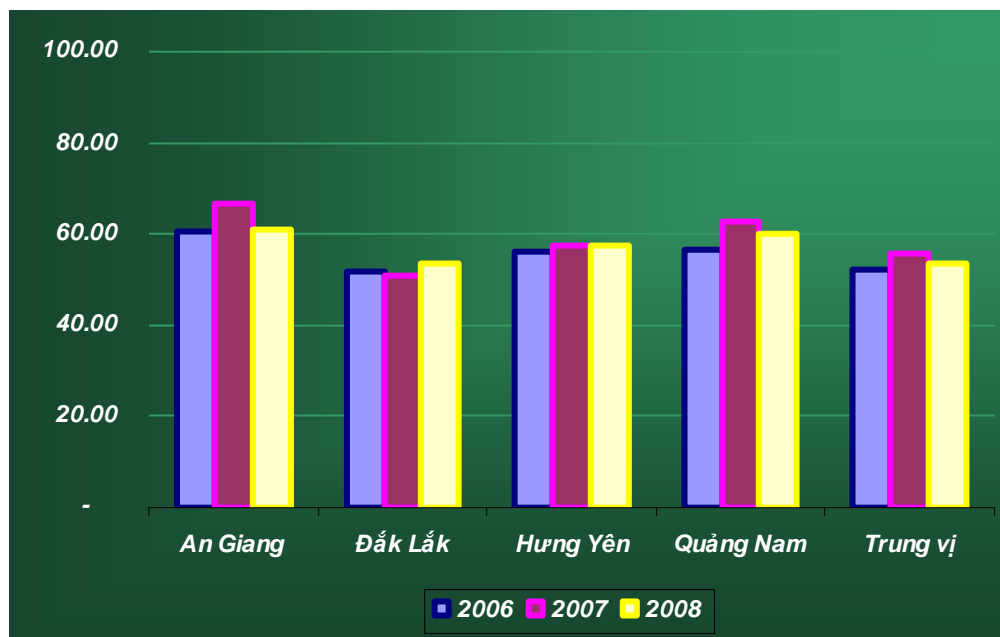
**Bảng 2:**

**Chỉ số tổng hợp PCI qua các năm 2006 – 2007 - 2008**

<i>Tỉnh</i>	<i>PCI</i>		
	2006	2007	2008
An Giang	60.45	66.47	61.12
Đắk Lắk	51.65	51.05	53.33
Hưng Yên	55.97	57.47	57.53
Quảng Nam	56.42	62.92	59.97
<i>Tỉnh trung vị</i>	<i>52.21</i>	<i>55.56</i>	<i>53.52</i>

<sup>2</sup> Mặc dù PCI được tiến hành năm đầu tiên 2005 nhưng ở đây chỉ so sánh từ năm 2006 đến nay. Bởi vì giữa năm 2006 và 2005 có những thay đổi lớn về phương pháp xây dựng chỉ số. Ngoài ra, năm 2005, Đắk Lắk chưa được nghiên cứu và xếp hạng.

**Hình 17:**  
**Chỉ số tổng hợp PCI năm 2006-2007 -2008**



## **5.2. Các chỉ số thành phần**

### **1. Chi phí gia nhập thị trường**

Đây là chỉ số ghi nhận sự cải thiện nhiều nhất của các tỉnh.

Chỉ số gia nhập thị trường là điểm mà trong 3 năm liên tiếp tỉnh Quảng Nam thực hiện tốt nhất trong 4 tỉnh. Ba tỉnh Quảng Nam, Đắk Lắk và Hưng Yên liên tục tăng điểm ở chỉ số này trong 3 năm. Chỉ riêng có An Giang là bị giảm điểm trong chỉ số này ở năm 2008 bằng điểm năm 2006 sau khi đã có cải thiện ở năm 2007.

Rất nhiều chỉ tiêu đã được cải thiện ở cả bốn tỉnh, ví dụ như thời gian đăng ký kinh doanh của An Giang đã giảm từ 12 ngày của năm 2006 xuống còn có 7 ngày ở năm 2007 và duy trì 7 ngày ở năm 2008, của Đắk Lắk giảm từ 17 ngày của năm 2006 xuống 10 ngày ở năm 2007 và 2008, Hưng Yên cũng giảm từ 11 ngày năm 2006 xuống 10 ngày năm 2007 và 8,5 ngày năm 2008, Quảng Nam là tỉnh thực hiện tốt nhất ở chỉ tiêu này với 8 ngày năm 2006 xuống còn 5 ngày năm 2007 và 2008.

Một số chỉ tiêu khác tuy chưa thực hiện tốt ở cả bốn tỉnh hoặc ở cả ba năm nhưng cũng đã có tỉnh cải thiện ở từng năm, ví dụ như ở tỷ lệ phần trăm doanh nghiệp cho biết gặp khó khăn để có đủ các loại giấy phép cần thiết Quảng Nam đã giảm từ 11,39% năm 2006 và 14,93% năm 2007 xuống còn 10,34%, hay ở tỷ lệ phần trăm doanh nghiệp mất hơn một tháng để khởi sự kinh doanh Quảng Nam cũng giảm từ 18,92% năm 2006 xuống còn 10,91% năm 2008 và Hưng Yên giảm từ 38,46% năm 2006 xuống còn 33,33% năm 2008.

Bên cạnh những điểm đáng ghi nhận ở trên còn tồn tại những điểm chưa tốt như An Giang đã để tỷ lệ phần trăm doanh nghiệp mất hơn một tháng để khởi sự doanh nghiệp tăng từ 8,7% năm 2006 lên 24,24% năm 2007 và 27,03% năm 2008, tỷ lệ này của Đắk Lắk cũng khá cao với mức trên 30% ở cả ba năm. *(Chi tiết xem thêm ở Phụ lục...)*

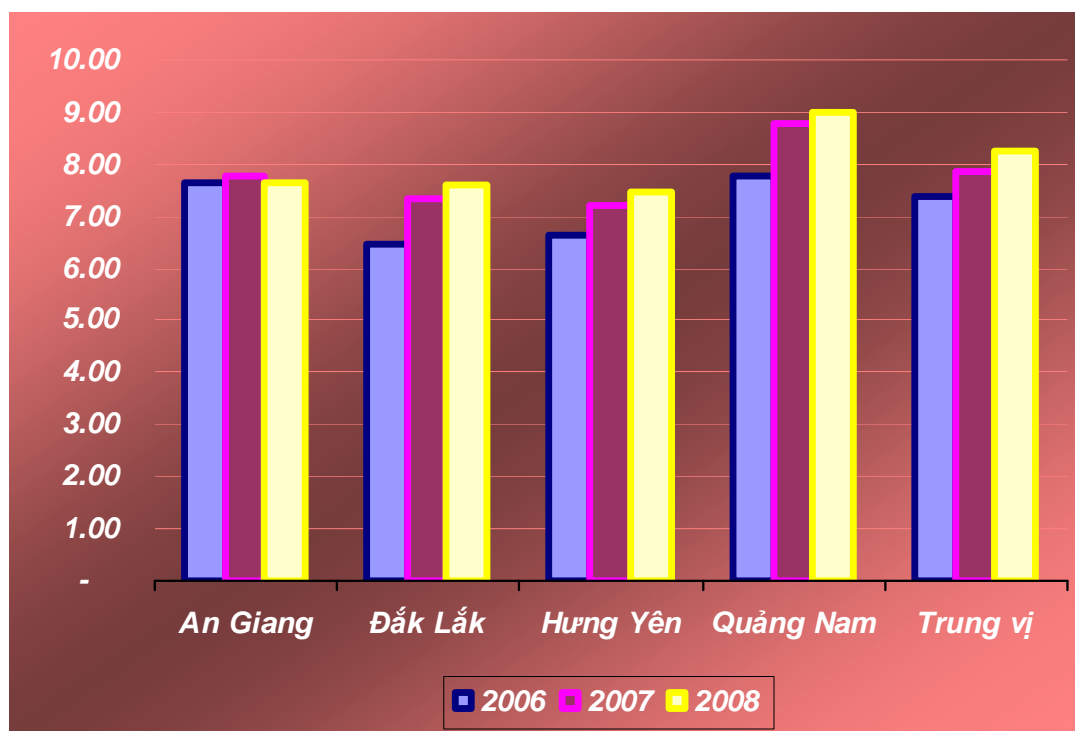
**Bảng 3:**

**Mức độ cải thiện Chi phí gia nhập thị trường**

Tỉnh	Chi phí gia nhập thị trường		
	2006	2007	2008
An Giang	7.64	7.76	7.64
Đắk Lắk	6.48	7.32	7.58
Hưng Yên	6.65	7.19	7.47
Quảng Nam	7.76	8.76	8.99
<i>Tỉnh trung vị</i>	7.39	7.87	8.26

**Hình 18:**

**Chỉ số thành phần Chi phí gia nhập thị trường năm 2006, 2007 và 2008**



## 2. Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất

Ở chỉ số Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất, cả bốn tỉnh đều đã có sự tăng điểm số qua các năm. Trong đó, điểm số của Hưng Yên luôn đứng đầu trong 4 tỉnh, tiếp đến là An Giang và ở năm 2008 Quảng Nam đã vượt lên Đắc Lắc sau hai năm thấp điểm hơn.

Đây là chỉ số thành phần có xu hướng tăng liên tục trong 3 năm ở cả bốn tỉnh. Đặc biệt tỉnh An Giang, Hưng Yên, Quảng Nam có mức tăng của năm 2008 so với năm 2007 cao hơn hẳn mức trung bình của cả nước. Cụ thể, mức tăng trung bình của cả nước là 0,41 điểm (6,68 điểm năm 2008 so với 6,27 điểm năm 2007) trong khi mức tăng của An Giang là 0,70 điểm (7,33 điểm so với 6,63 điểm), Hưng Yên là 0,8 điểm (7,65 điểm năm 2008 so với 6,85 điểm năm 2007), Quảng Nam là 0,51 điểm (6,41 điểm năm 2008 so với 5,90 điểm năm 2007).

Sự tăng điểm về chỉ số thành phần đất đai của bốn tỉnh nghiên cứu là nhờ những cải thiện rõ rệt ở hầu hết các điểm chỉ tiêu. Ví dụ như tỷ lệ phần trăm doanh nghiệp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tăng liên tục trong 3 năm ở cả bốn tỉnh: An Giang (70,21% năm 2006, 82,76% năm 2007 và 94,74% năm 2008); Đắc Lắc (51,61% năm 2006, 73,97% năm 2007 và 77,05% năm 2008); Hưng Yên (48,89% năm 2006, 65,63 năm 2007 và 70,18% năm 2008); Quảng Nam (55,43% năm 2006, 80,37% năm 2007 và 89,47% năm 2008). (Xem chi tiết các chỉ số khác tại Phụ lục Báo cáo)

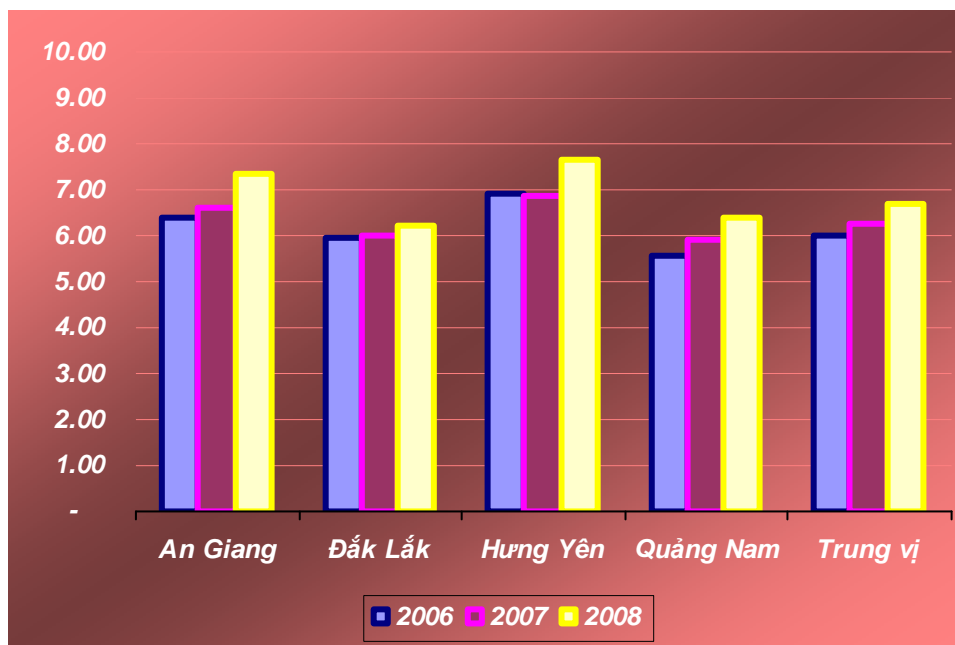
**Bảng 4:**

### Mức độ cải thiện của Chỉ số tiếp cận đất đai

Tỉnh	Tiếp cận đất đai		
	2006	2007	2008
<b>An Giang</b>	6.37	6.63	7.33
<b>Đắc Lắc</b>	5.95	6.01	6.22
<b>Hưng Yên</b>	6.91	6.85	7.65
<b>Quảng Nam</b>	5.55	5.90	6.41
<b>Tỉnh trung vị</b>	6.00	6.27	6.68

**Hình 19:**

**Chỉ số thành phần Tiếp cận đất đai năm 2006, 2007 và 2008**



**3. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin:**

Có một sự thay đổi đáng kể của cả bốn tỉnh nghiên cứu từ năm 2007 ở chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin, đó là điểm số của cả bốn tỉnh trong năm 2007 và 2008 đều cao hơn tỉnh trung vị (mức trung bình của cả nước), trong khi năm 2006 chỉ có An Giang và Hưng Yên có điểm số cao hơn tỉnh trung vị ở chỉ số thành phần này.

Nhóm chỉ tiêu về tính công bằng và ổn định trong việc áp dụng văn bản pháp luật của tỉnh tăng đáng kể qua ba năm. Đánh giá của doanh nghiệp cũng tích cực hơn khi được hỏi về việc “cần có mối quan hệ trong việc tiếp cận văn bản tài liệu pháp luật của tỉnh”, “vai trò của gia đình và bạn bè trong việc thương lượng với cán bộ nhà nước” hay trong “thương lượng với cán bộ thuế”. Với các chỉ tiêu này, tỷ lệ phần trăm doanh nghiệp của bốn tỉnh đánh giá là quan trọng hoặc cần thiết đã giảm hẳn đi ở năm 2008 so với hai năm 2006 và 2007. Ví dụ như tỷ lệ doanh nghiệp An Giang đánh giá cần có mối quan hệ để có thể tiếp cận văn bản tài liệu pháp luật của tỉnh là cần thiết chỉ còn 41,67% so với 53,85% năm 2007 và 61,36% năm 2006. (Xem thêm chi tiết tại Phụ lục ...).

Độ mở của trang web chính thức của tỉnh cũng là điểm chỉ tiêu đáng ghi nhận tại chỉ số thành phần này của bốn tỉnh. Nếu như năm 2006 điểm chỉ tiêu này của

tỉnh Quảng Nam chỉ đạt 3,5 điểm, của Đắk Lắk chỉ đạt 9 điểm và tốt hơn thì có Hưng Yên với 13 điểm và An Giang với 17,5 điểm, thì sang năm 2008, điểm chỉ tiêu này được cải thiện đáng kể với điểm tuyệt đối 20 điểm của tỉnh An Giang, 13 điểm của tỉnh Đắk Lắk, 15 điểm của tỉnh Hưng Yên, 14,50 điểm của tỉnh Quảng Nam.

Nhóm các chỉ tiêu về Khả năng tiên liệu của văn bản trong ba năm vẫn luôn là nhóm chỉ tiêu thực hiện kém ở hầu hết các tỉnh và với bốn tỉnh nghiên cứu cũng ở nhóm thực hiện kém và có xu hướng giảm dần. Ví dụ như khi được hỏi về khả năng có thể dự đoán được trong thực thi pháp luật của tỉnh năm 2008 chỉ có 1,03% doanh nghiệp An Giang cho rằng có thể dự đoán được trong khi năm 2007 là 4,21% và năm 2006 là 7,87%. Tỷ lệ này của Hưng Yên năm 2008 là 7,69% trong khi năm 2007 là 8,16% và năm 2006 là 10,84%. (*Xem chi tiết tại Phụ lục...*)

**Bảng 5:**

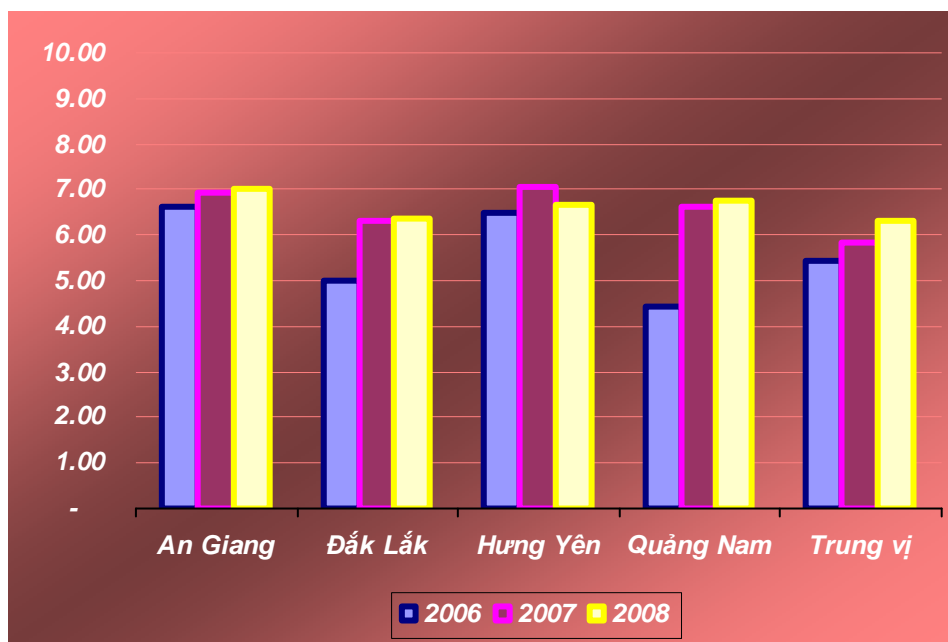
**Mức độ cải thiện của Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin**

Tỉnh	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin		
	2006	2007	2008
<b>An Giang</b>	6.64	6.93	7.00
<b>Đắk Lắk</b>	4.99	6.31	6.34
<b>Hưng Yên</b>	6.49	7.07	6.68
<b>Quảng Nam</b>	4.44	6.63	6.75
<i>Tỉnh trung vị</i>	<i>5.43</i>	<i>5.84</i>	<i>6.32</i>



**Hình 20:**

**Chỉ số thành phần Tính minh bạch và tiếp cận thông tin năm 2006, 2007 và 2008**



*4. Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước:*

Đây là chỉ số thành phần mà xu hướng giảm điểm xảy ra ở hầu hết các tỉnh trong năm 2008 so với năm 2007 sau khi đã có tăng đáng kể ở năm 2007 và bốn tỉnh nghiên cứu cũng không nằm ngoài sự việc này.

Thứ hạng giữa bốn tỉnh nghiên cứu cũng thay đổi. Nếu như năm 2006 Hưng Yên là tỉnh có điểm số cao nhất trong bốn tỉnh thì năm 2007 vị trí này dành cho An Giang và lại được trả về cho Hưng Yên vào năm 2008.

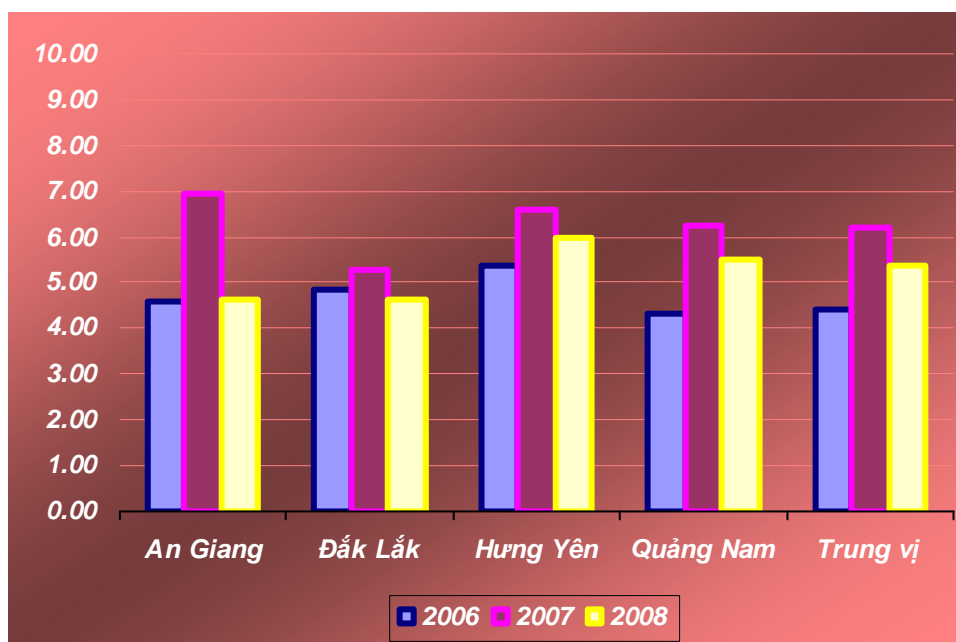
**Bảng 6:**

**Mức độ Cải thiện Chỉ số Chi phí thời gian**

Tỉnh	Chi phí thời gian		
	2006	2007	2008
An Giang	4.57	6.93	4.62
Đắk Lắk	4.83	5.30	4.63
Hưng Yên	5.36	6.60	5.98
Quảng Nam	4.32	6.26	5.51
<i>Tỉnh trung vị</i>	<i>4.42</i>	<i>6.21</i>	<i>5.38</i>

**Hình 21:**

**Chỉ số thành phần Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước năm 2006, 2007 và 2008**



## 5. Chi phí không chính thức

Ba trong bốn tỉnh thuộc nhóm nghiên cứu đã có những bước cải thiện nhất định ở Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức. Hưng Yên và Quảng Nam là hai tỉnh tăng điểm liên tục trong ba năm. An Giang sau khi có sự sụt giảm ở năm 2007 đã tăng trở lại ở năm 2008. Điểm số của ba tỉnh này đều cao hơn hoặc bằng tỉnh trung vị trong năm 2008.

Hiện tại chỉ còn tỉnh Đắk Lắk trong nhóm bốn tỉnh là điểm chỉ số Chi phí không chính thức của 3 năm đều thấp hơn tỉnh trung vị. Nhưng đáng ghi nhận là tỉnh đã có nỗ lực cải thiện nên điểm chỉ số này của Đắk Lắk đã tăng liên tục trong ba năm.

Những đánh giá rất khả quan của các doanh nghiệp ở các chỉ tiêu cấu thành lên chỉ số này cho thấy rõ hơn bức tranh cải thiện chỉ số Chi phí không chính thức ở trên. Đó là, tỷ lệ phần trăm doanh nghiệp cho rằng các chi phí không chính thức là cản trở chính đối với hoạt động kinh doanh đã giảm liên tục trong ba năm ở cả bốn tỉnh, cụ thể: An Giang với 46,48% năm 2006 giảm xuống 32,88% năm 2007 và 24,29% năm 2008; Đắk Lắk với 40,79% năm 2006 giảm xuống 25,76% năm 2007 và 23,61% năm 2008; Hưng Yên với 44,59% năm 2006 giảm xuống 28,40% năm 2007 và 27,71% năm 2008; Quảng Nam với 56,96% năm 2006 giảm xuống 36,00% năm 2007 và 25,49% năm 2008... Các chỉ tiêu khác tuy không giảm liên tục ba năm ở cả bốn tỉnh nghiên cứu thì trong năm 2008 đã làm tốt lên nhiều so với năm 2006 hoặc 2007. (Xem chi tiết tại Phụ lục Báo cáo)

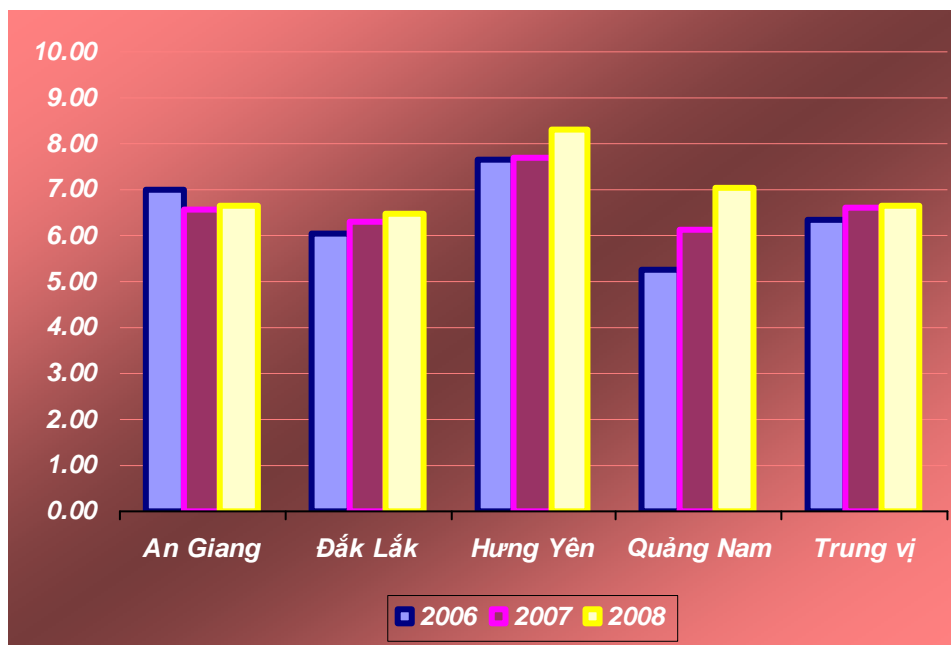
**Bảng 7:**

### Mức độ Cải thiện Chỉ số Chi phí không chính thức

Tỉnh	Chi phí không chính thức		
	2006	2007	2008
An Giang	7.00	6.57	6.65
Đắk Lắk	6.03	6.31	6.49
Hưng Yên	7.64	7.71	8.30
Quảng Nam	5.27	6.13	7.05
<i>Tỉnh trung vị</i>	6.33	6.59	6.65

**Hình 22:**

**Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức năm 2006 – 2007 -2008**



**6. Ưu đãi doanh nghiệp nhà nước**

Nếu so với xuất phát điểm là năm 2006 thì tới năm 2008, điểm Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước của bốn tỉnh đã giữ được mức ổn định hoặc tăng điểm. Ngoài tỉnh An Giang có điểm chỉ số này tăng liên tục trong ba năm, các tỉnh còn lại đều bị giảm điểm ở năm 2007 và tăng trở lại vào năm 2008.

Đây là chỉ số thành phần mà mức tăng điểm qua các năm trung bình của cả nước tương đối lớn và tăng liên tục trong ba năm, trong khi đó đối với các tỉnh nghiên cứu lại tăng giảm không ổn định.

Có một số điểm chỉ tiêu cấu thành lên chỉ số đáng ghi nhận ở bốn tỉnh nghiên cứu như: tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thái độ của tỉnh đã được cải thiện trong vòng hai năm qua đã tăng liên tục trong ba năm ở cả bốn tỉnh, tỷ lệ trung bình của các năm của bốn tỉnh đều hơn 60%, bên cạnh đó, tỷ lệ các doanh nghiệp cho rằng chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước gây cản trở đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng tỉnh ưu đãi đối với doanh nghiệp cổ phần hoá là cản trở đối với công việc kinh doanh của họ chỉ còn ở mức rất thấp, các tỷ lệ này đều dưới 40%... (Xem chi tiết ở Phụ lục Báo cáo)

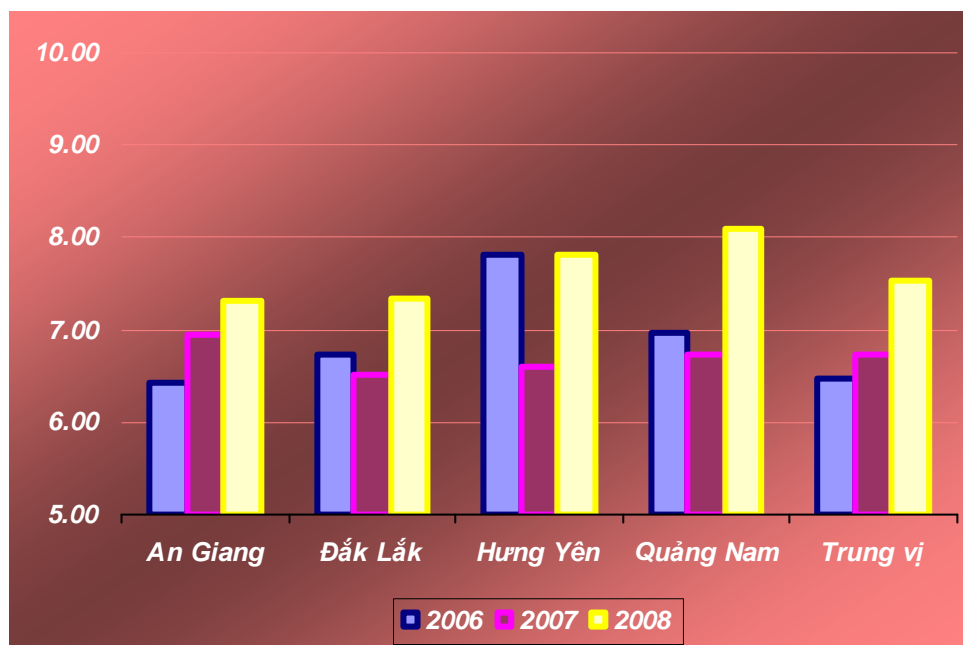
**Bảng 8:**

**Mức độ cải thiện của Chỉ số Ưu đãi đối với DNNN**

Tỉnh	Ưu đãi đối với DNNN		
	2006	2007	2008
An Giang	6.43	6.94	7.32
Đắk Lắk	6.74	6.52	7.34
Hưng Yên	7.82	6.59	7.81
Quảng Nam	6.96	6.73	8.09
<i>Tỉnh trung vị</i>	6.48	6.73	7.53

**Hình 23:**

**Chỉ số thành phần ưu đãi doanh nghiệp nhà nước năm 2006, 2007 và 2008**



### 7. Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh

Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh là chỉ số thành phần mà tỉnh An Giang có điểm số và thứ hạng tốt so với cả nước và luôn là tỉnh dẫn đầu trong bốn tỉnh thuộc nhóm nghiên cứu.

Khi được hỏi về việc triển khai các quy định của Trung ương, tỷ lệ phần trăm (trung bình của ba năm) của bốn tỉnh đều khá cao, cao nhất là An Giang là 84,67%, tiếp đến là Hưng Yên với 82,14% và Quảng Nam 80,84%, Đăk Lăk là 71,55%.

Tỷ lệ phần trăm doanh nghiệp đánh giá tinh sáng tạo và sáng suốt trong việc giải quyết những trở ngại đối với cộng đồng doanh nghiệp (tính trung bình của ba năm) cũng ở mức tương đối cao, cao nhất là An Giang với 76,68%, tiếp đến là Hưng Yên với 71,96%, Quảng Nam với 70,78% và Đăk Lăk với 58,64%.

Và khi nhóm nghiên cứu đưa ra hai câu hỏi doanh nghiệp đồng ý hay không đồng ý với nhận định “Tinh có sáng kiến tốt nhưng còn nhiều cản trở ở Trung ương” và “Không có sáng kiến nào ở cấp tỉnh, tất cả đều từ Trung ương” thì tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý là rất thấp, đều dưới 50%. (Xem chi tiết tại Phụ lục Báo cáo)

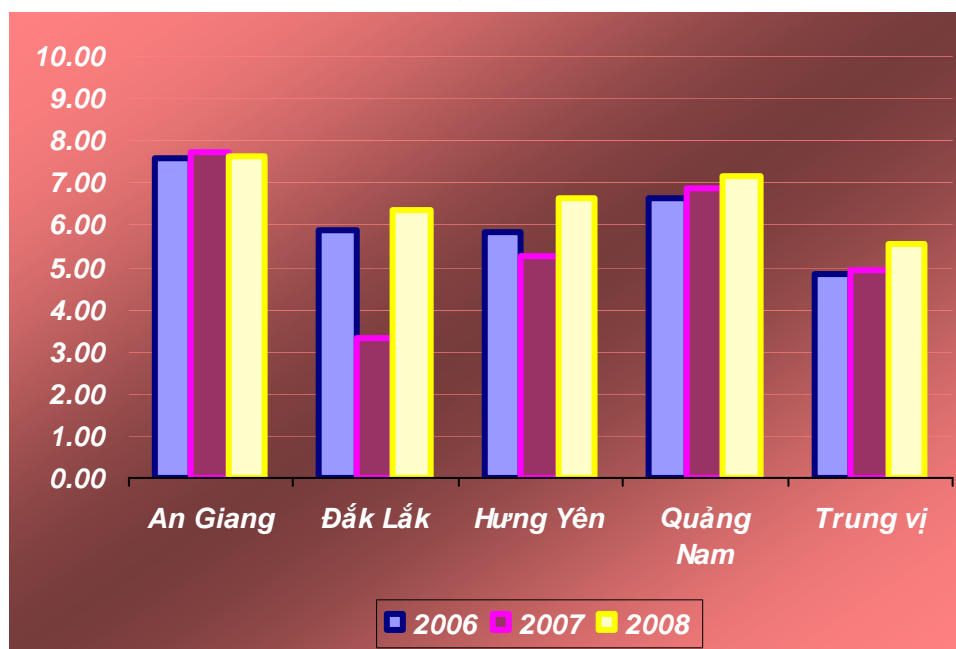
**Bảng 9:**

#### Mức độ cải thiện Chỉ số Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh

Tỉnh	Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh		
	2006	2007	2008
An Giang	7.59	7.71	7.63
Đăk Lăk	5.87	3.30	6.34
Hưng Yên	5.82	5.25	6.61
Quảng Nam	6.61	6.89	7.14
Tỉnh trung vị	4.85	4.95	5.56

**Hình 24:**

**Chỉ số thành phần Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh  
năm 2006, 2007 và 2008**



#### *8. Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân*

Đánh giá của doanh nghiệp về Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân năm 2008 giảm đi đáng kể đối với cả 64 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, so với mức trung vị của cả nước thì bốn tỉnh nghiên cứu đều thực hiện tốt hơn trong cả ba năm ở chỉ số thành phần này. Trong đó, An Giang là tỉnh có điểm số cao nhất trong bốn tỉnh ở cả ba năm.

Sự sụt giảm điểm này là hệ quả của việc giảm điểm năm 2008 so với năm 2007 ở toàn bộ chỉ tiêu cấu thành lên chỉ số thành phần này (Xem chi tiết tại phụ lục...)

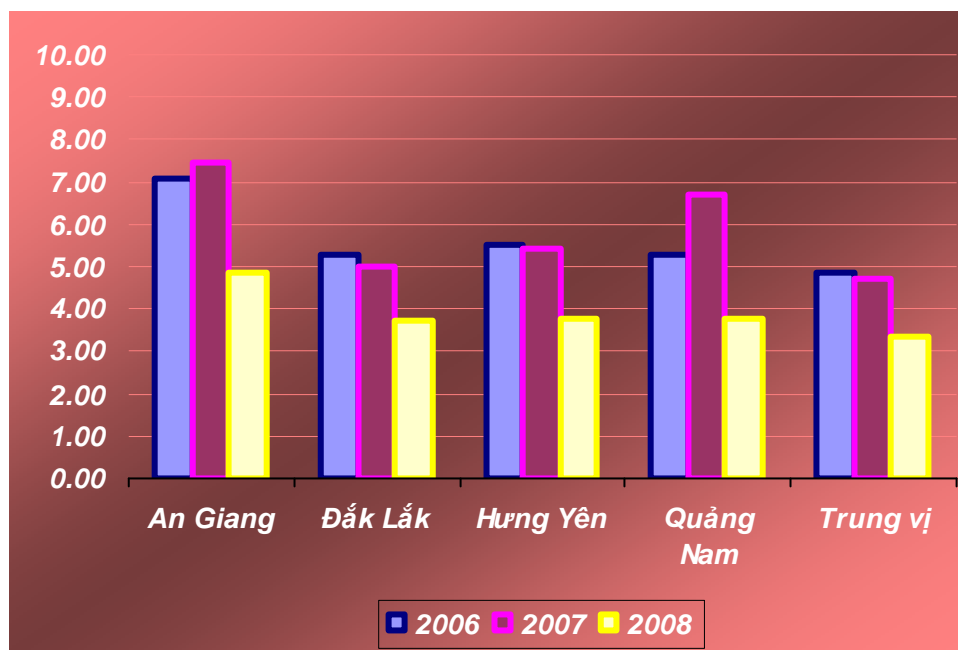
**Bảng 10:**

**Mức độ cải thiện Chỉ số Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân**

Tỉnh	Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân		
	2006	2007	2008
An Giang	7.06	7.44	4.87
Đắk Lắk	5.27	5.01	3.70
Hưng Yên	5.53	5.44	3.79
Quảng Nam	5.26	6.67	3.76
<i>Tỉnh trung vị</i>	4.88	4.71	3.35

**Hình 25:**

**Chỉ số thành phần Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân năm 2006, 2007 và 2008**





## 9. Đào tạo lao động

Đào tạo lao động là chỉ số thành phần có xu hướng giảm đi của cả nước. Tỉnh trung vị đã giảm điểm liên tục trong 3 năm ở chỉ số thành phần này. Không những giảm điểm liên tục mà mức giảm điểm cũng tăng lên ở năm 2008. Năm 2008 mức giảm điểm so với năm 2007 là 0,78 trong khi mức giảm điểm năm 2007 so với năm 2006 là 0,07 điểm. Và xu hướng này cũng không loại trừ bốn tỉnh đang nghiên cứu.

Quảng Nam tuy là tỉnh thực tốt gần như tốt nhất ở chỉ số đào tạo lao động so với 3 tỉnh còn lại ở năm 2006 thì lại là tỉnh liên tiếp giảm điểm trong hai năm 2007 và 2008.

Quảng Nam và An Giang là hai tỉnh duy nhất còn giữ được điểm chỉ số Đào tạo lao động cao hơn tỉnh trung vị ở năm 2008 (Quảng Nam đạt 4,85 điểm và An Giang đạt 4,90 điểm so với tỉnh trung vị là 4,25 điểm).

Hung Yên và Đắk Lắk là hai tỉnh có điểm số Đào tạo lao động thấp hơn tỉnh trung vị ở cả ba năm. Sau khi hai tỉnh này đã tăng điểm ở năm 2007 so với năm 2006 thì đã ngay lập tức sụt đi đáng kể ở năm 2008 (Hung Yên đạt 3,89 điểm năm 2006, 4,74 điểm năm 2007 và 3,72 điểm năm 2008; Đắk Lắk đạt 4,19 điểm năm 2006, 4,72 điểm năm 2007 và 4,13 điểm năm 2008).

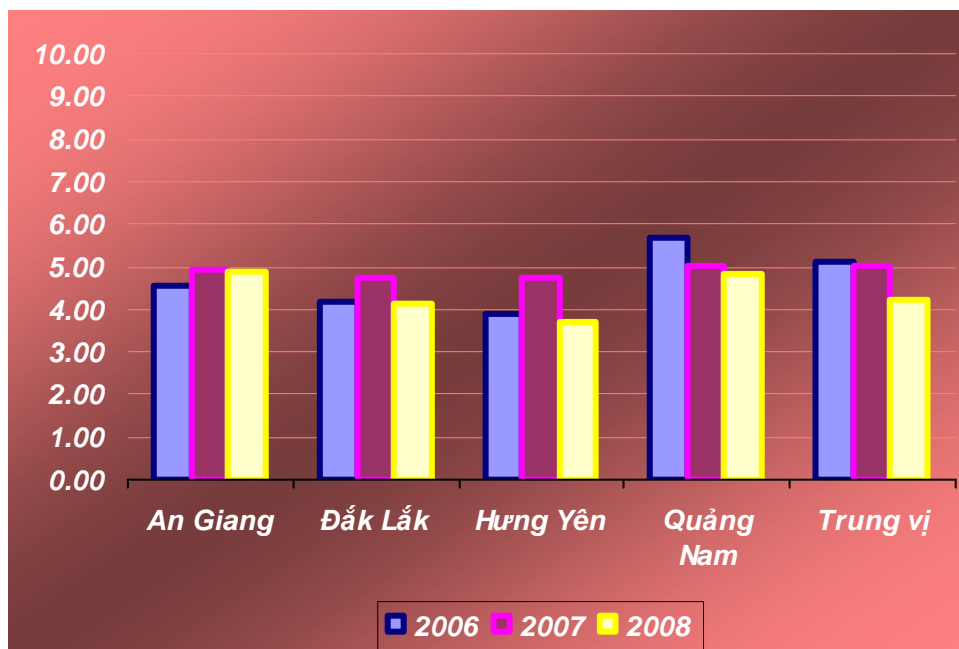
Nguyên nhân dẫn đến kết quả điểm chỉ số thành phần này giảm điểm ở bốn tỉnh nghiên cứu là sự giảm điểm ở hầu hết các chỉ tiêu cấu thành lên chỉ số Đào tạo lao động. Cụ thể việc giảm tỷ lệ phần trăm đánh giá chất lượng giáo dục do các cơ quan của tỉnh cung cấp là tốt (chỉ có 47,42% năm 2008 so với 78,21% năm 2007 doanh nghiệp An Giang, 37,80% năm 2008 so với 80,26% năm 2007 doanh nghiệp ở Đắk Lắk, 35,11% năm 2008 so với 70,93% doanh nghiệp ở Hung Yên, 40% năm 2008 so với 70,18% năm 2007 doanh nghiệp tỉnh Quảng Nam đánh giá tốt).

Tương tự như vậy, việc giảm điểm đã xảy ra ở các chỉ tiêu: tỷ lệ phần trăm doanh nghiệp đánh giá chất lượng đào tạo nghề cho người lao động là tốt, tỷ lệ phần trăm doanh nghiệp đánh giá dịch vụ việc làm do các cơ quan của tỉnh cung cấp là tốt, điểm dữ liệu “cứng” về đào tạo lao động (Xem chi tiết tại Phụ lục Báo cáo)

**Bảng 11:**  
**Mức độ Cải thiện Chỉ số Đào tạo lao động**

Tỉnh	Đào tạo lao động		
	2006	2007	2008
<b>An Giang</b>	4.55	4.94	4.90
<b>Đắk Lắk</b>	4.19	4.72	4.13
<b>Hưng Yên</b>	3.89	4.74	3.72
<b>Quảng Nam</b>	5.70	5.02	4.85
<i>Tỉnh trung vị</i>	<i>5.10</i>	<i>5.03</i>	<i>4.25</i>

**Hình 26:**  
**Chỉ số thành phần Đào tạo lao động năm 2006, 2007 và 2008**



## 10. Thiết chế pháp lý

Trong nhóm bốn tỉnh nghiên cứu, ở năm 2007 điểm Thiết chế pháp lý đã có dấu hiệu sụt giảm so với năm 2006 ở 3/4 tỉnh nghiên cứu là Đắk Lắk, Hưng Yên, Quảng Nam thì sang tới năm 2008 cả bốn tỉnh đều đã tăng điểm trở lại. Điểm Thiết chế pháp lý của các tỉnh năm 2008 đều cao hơn mức trung vị của cả nước (trừ tỉnh Đắk Lắk).

Là tỉnh có điểm Thiết chế pháp lý tăng liên tục, tỷ lệ phần trăm doanh nghiệp An Giang tin tưởng vào hệ thống pháp lý tạo cơ chế để doanh nghiệp có thể khởi kiện hành vi tham nhũng của cán bộ công quyền tăng liên tục trong ba năm (16,22% năm 2006, 43,21% năm 2007 và 44,19% năm 2008). Tỷ lệ này ở tỉnh Đắk Lắk và Hưng Yên cũng tăng liên tục trong ba năm, tỉnh Quảng Nam giảm nhẹ trong năm 2008 so với năm 2007.

Doanh nghiệp ở bốn tỉnh nghiên cứu cũng tỏ ra rất tin tưởng vào hệ thống pháp lý sẽ bảo vệ hợp đồng và quyền tài sản của họ. Tỷ lệ này ở cả bốn tỉnh đều rất cao, trung bình của ba năm đều hơn 80%, cụ thể mức trung bình ba năm ở An Giang là 89,44% (năm 2006 là 90,79%, năm 2007 là 89,47%, năm 2008 là 88,04%); ở tỉnh Đắk Lắk là 81,65% (năm 2006 là 87,45%, năm 2007 là 74,65%, năm 2008 là 82,67%); ở tỉnh Hưng Yên là 85,22% (năm 2006 là 90,79%, năm 2007 là 80,65%, năm 2008 là 84,21%); ở Quảng Nam là 87,22% (năm 2006 là 88,46%, năm 2007 là 83,64%, năm 2008 là 89,57%).

Tuy nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp có xu hướng lựa chọn các thiết chế pháp lý để giải quyết tranh chấp ở bốn tỉnh lại có xu hướng tỷ lệ nghịch với tỷ lệ tin tưởng ở hệ thống pháp lý. Tỷ lệ này cao nhất ở Đắk Lắk và Quảng Nam với trung bình ba năm tương ứng là 88,58% và 89,68% và thấp hơn là ở An Giang với 54,30%, Hưng Yên là 65,08%.

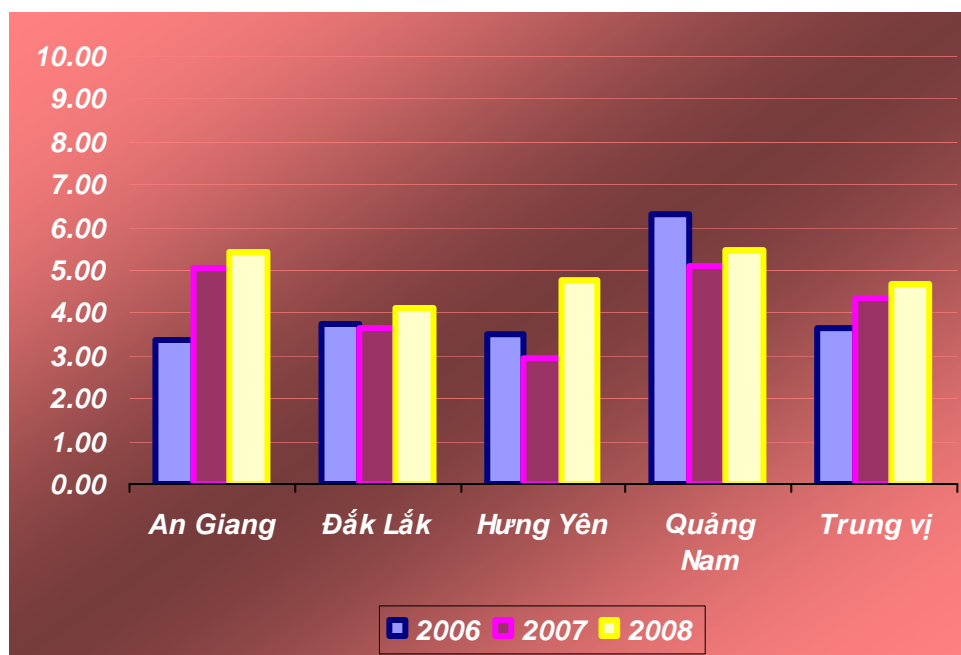
**Bảng 12:**

**Mức độ Cải thiện Chỉ số Thiết chế pháp lý**

Tỉnh	Thiết chế pháp lý		
	2006	2007	2008
An Giang	3.38	5.05	5.44
Đắk Lắk	3.74	3.65	4.11
Hưng Yên	3.52	2.95	4.74
Quảng Nam	6.31	5.08	5.45
<i>Tỉnh trung vị</i>	<i>3.63</i>	<i>4.33</i>	<i>4.66</i>

**Hình 27:**

**Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý năm 2006, 2007 và 2008**



**Phụ lục:**  
**Các chỉ số thành phần cụ thể năm 2008 của 4 tỉnh**

**Chi phí gia nhập thị trường**

Ngoài tỉnh Quảng Nam có điểm Chi phí gia nhập thị trường cao<sup>3</sup>, ba tỉnh An Giang, Đắk Lắk, Hưng Yên chỉ đạt ở mức thấp ở chỉ số này. Điểm Chi phí gia nhập thị trường của Quảng Nam là 8,99 điểm trên 10, xếp hạng 7 trên 64 tỉnh thành phố; của An Giang là 7,64 điểm trên 10, xếp hạng 55 trên 64 tỉnh thành phố; của Đắk Lắk là 7,58 điểm trên 10, xếp hạng 56 trên 64 tỉnh thành phố. Điểm cụ thể của từng chỉ tiêu như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang		Đắk Lắk		Hưng Yên		Quảng Nam		Tỉnh tốt nhất
		Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	
	<b>Điểm Chỉ số thành phần Chi phí gia nhập thị trường</b>	<b>7,64</b>	<b>55/64</b>	<b>7,58</b>	<b>56/64</b>	<b>7,47</b>	<b>59/64</b>	<b>8,99</b>	<b>7/64</b>	
1	% doanh nghiệp phải mất hơn một (1) tháng để nhận được tất cả các giấy đăng ký, giấy phép và quyết định chấp thuận cần thiết để chính thức hoạt động	27,03 %	47/64	33,33 %	59/64	33,33%	57-60 /64	10,91 %	5/64	Tiền Giang (6,67%)
2	% doanh nghiệp phải mất hơn ba (3) tháng để	10,81	55/64	8,33%	45/64	12,82%	61/64	1,82%	10/64	Đà Nẵng,

<sup>3</sup> Điểm của tỉnh đứng từ thứ hạng từ 1 đến thứ hạng 15 thuộc nhóm cao, từ thứ hạng 16 đến 45 thuộc nhóm trung bình, từ thứ hạng 46 đến 64 thuộc nhóm thấp.

	nhận được tất cả các giấy đăng ký, giấy phép và quyết định chấp thuận cần thiết để chính thức hoạt động	%								Cần Thơ, Phú Yên... (0%)
3	% doanh nghiệp gặp khó khăn để có đủ các giấy phép cần thiết	7,69%	16/64	13,89 %	50/64	5%	10/64	10,34 %	33/64	Đà Nẵng (2,08%)
4	Thời gian đăng ký kinh doanh (số ngày trung vị)	12 ngày	29-32 /64	15 Ngày	38-63 /64	15 ngày	38-63 /64	10 ngày	23/64	Tiền Giang (5 ngày)
5	Thời gian đăng ký kinh doanh bổ sung (số ngày trung vị)	7 ngày	14-51 /64	10 ngày	56-64 /64	8,5 ngày	55/64	5 ngày	10/64	Bình Định (3 ngày)
6	Số lượng các loại giấy phép: các loại giấy đăng ký, giấy chấp thuận, quyết định cho phép, tem và các loại giấy tương tự như giấy phép... (giá trị trung vị)	4	61-64 /64	2	15-38 /64	3	43-60 /64	2	19/64	Hà Nội, Đà Nẵng... (1 giấy phép)
7	Thời gian chờ đợi thực sự để có được mặt bằng kinh doanh (số ngày trung vị)	57,5 ngày	11/64	50	4/64	54 ngày	36/64	60 ngày	14/64	Quảng Trị

										(42,5 ngày)
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------

### **Tiếp cận đất đai**

Trong chỉ số thành phần Tiếp cận đất đai, An Giang và Hưng Yên đứng ở nhóm đạt điểm cao với điểm số của An Giang là 7,33 điểm trên 10, xếp hạng 12 trên 64 tỉnh thành phố và điểm số của Hưng Yên là 7,65 điểm trên 10, xếp hạng 5 trên 64 tỉnh thành phố. Hai tỉnh Đắk Lắk và Quảng Nam xếp ở nhóm trung bình ở chỉ số này với điểm số của Đắk Lắk là 6,22 điểm trên 10, xếp hạng 47 trên 64 tỉnh thành phố và điểm số của Quảng Nam là 6,41 điểm trên 10, xếp hạng 43/64 tỉnh thành phố. Một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang		Đắk Lắk		Hưng Yên		Quảng Nam		Tỉnh tốt nhất
		Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	
	<b>Điểm chỉ số thành phần Tiếp cận đất đai</b>	<b>7,33</b>	<b>12/64</b>	<b>6,22</b>	<b>47/64</b>	<b>7,65</b>	<b>5/64</b>	<b>6,41</b>	<b>43/64</b>	
1	% doanh nghiệp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	94,74 %	2/64	77,05%	47/64	70,18%	58/64	89,47%	13/64	Đồng Tháp (96,55%)
2	% doanh nghiệp cho rằng sẽ mở rộng quy mô nếu có được mặt bằng kinh doanh dễ dàng	61,68	47/64	58,65%	56/64	60%	52/64	60,71%	49/64	Long An

	hơn	%								(49,56%)
3	% doanh nghiệp đánh giá việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang phát triển sản xuất kinh doanh tốt (Tốt hoặc Rất tốt)	20,48 %	34/64	21,25%	32/64	38,30%	5/64	28,18%	19/64	Bình Dương (59,41%)
4	% diện tích đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	94,40 %	8/64	45,25%	56/64	89,26%	18/64	35,11%	60/64	Vĩnh Long (98,75%)
5	Mức độ rủi ro (như bị thu hồi) của mặt bằng kinh doanh (1 – Rất cao đến 5 - Rất thấp)	2,09	37/64	2,12	43/64	2,07	35/64	2,10	42/64	Khánh Hoà (2,49)
6	Doanh nghiệp tin rằng doanh nghiệp sẽ nhận được bồi thường thoả đáng cho mảnh đất nếu bị thu hồi (Luôn luôn và Nhiều khả năng)	43,90 %	18/64	34,33%	49/64	43,66%	20/64	46,07%	13/64	Bình Định (52,75%)
7	Mức độ rủi ro trong thay đổi các điều kiện thuê đất (1 - Rất cao đến 5 - Rất thấp)	2,89	10/64	3,42	58/64	3,45	59/64	3,19	40/64	Sơn La (3,54)
8	Doanh nghiệp tin rằng sẽ được giải quyết tranh chấp về hợp đồng thuê công bằng (Luôn luôn hoặc Thường xuyên)	47,22 %	11/64	38,30%	35/64	40,68%	29/64	41,33%	28/64	Yên Bái (60%)



### **Tính minh bạch**

Cả bốn tỉnh đều đã đạt điểm Tính minh bạch ở mức trung bình –khá. Điểm của tỉnh An Giang là 7 điểm trên 10, xếp hạng 12/64. Điểm của tỉnh Đắk Lắk là 6,34 điểm trên 10, xếp hạng 32 trên 64 tỉnh thành phố. Điểm của tỉnh Hưng Yên là 6,68 điểm trên 10, xếp hạng 21 trên 64 tỉnh thành phố. Điểm của tỉnh Quảng Nam là 6,75 điểm trên 10, xếp hạng 36 trên 64 tỉnh thành phố.

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang		Đắk Lắk		Hưng Yên		Quảng Nam		Tỉnh tốt nhất
		Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	
	<b>Điểm chỉ số thành phần Tính minh bạch</b>	<b>7,00</b>	<b>12/64</b>	<b>6,34</b>	<b>32/64</b>	<b>6,68</b>	<b>21/64</b>	<b>6,75</b>	<b>18/64</b>	
1	% doanh nghiệp cho rằng để có được các thông tin văn bản pháp luật, tài liệu kế hoạch, cần phải có các “mối quan hệ” (Rất cần thiết hoặc cần thiết)	41,67%	8/64	47,96%	23/64	43,12%	13/64	50,78%	36/64	Bà Rịa – Vũng Tàu (33,57%)
2	% doanh nghiệp cho rằng vai trò của gia đình và bạn bè quan trọng trong thương lượng với cán bộ Nhà nước (Quan trọng hoặc Rất quan trọng)	55,67%	39/64	51,04%	23/64	46,67%	12/64	53,73%	34/64	Bình Thuận (40,00%)
3	% doanh nghiệp cho rằng thoả thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế là công	43,18%	53/64	29,27%	12/64	27,72%	8/64	38,33%	40/64	Phú Thọ (17,39%)

	việc quan trọng trong kinh doanh (Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)									
4	% doanh nghiệp cho rằng có thể đoán trước được việc thực hiện chính sách và pháp luật về kinh tế và tài chính của tỉnh (Luôn luôn hoặc Thường xuyên)	1,03%	64/64	9,28%	15/64	7,69%	24/64	9,56%	14/64	Tuyên Quang (15,69%)
5	Đại diện của UBND hay các Sở, ngành của tỉnh thường xuyên gặp doanh nghiệp để thảo luận về các thay đổi pháp luật và chính sách (Luôn luôn hoặc Thường xuyên)	10,42%	23/64	9%	29/64	10,09%	25/64	7,63%	44/64	Đồng Tháp (18,60%)
6	% doanh nghiệp đánh giá về chất lượng tư vấn về thông tin pháp luật của tỉnh tốt (Rất tốt hoặc Tốt)	14,58%	54/64	26,14%	17/64	23,96%	21/64	30,89%	4/64	Đồng Tháp (33,77%)
7	Chỉ số website của tỉnh <sup>4</sup> ( <a href="http://www.phuyen.gov.vn">www.phuyen.gov.vn</a> )	20	1-2/64	13	40/64	15	28-30/64	14,50	31-32/64	20/20 (Đà Nẵng)

### ***Chi phí thời gian***

<sup>4</sup> Nhóm nghiên cứu PCI xây dựng một thang điểm riêng (20 điểm) để đánh giá các website của các tỉnh ([www.tentinh.gov.vn](http://www.tentinh.gov.vn)). Tiêu chí đánh giá từ mức độ sẵn có của thông tin dành cho các doanh nghiệp cho đến mức độ được truy cập thường xuyên của website.

Ở điểm chỉ số thành phần Chi phí thời gian, Hưng Yên là tỉnh duy nhất đạt điểm cao, Quảng Nam chỉ đạt ở mức trung bình còn An Giang và Đắk Lắk ở mức thấp, cụ thể: Hưng Yên đạt 5,98 điểm trên 10, xếp hạng 13 trên 64 tỉnh thành phố; Quảng Nam đạt 5,51 điểm trên 10, xếp hạng 27 trên 64 tỉnh thành phố; Đắk Lắk đạt 4,63 điểm trên 10, xếp hạng 50 trên 64 tỉnh thành phố; An Giang đạt 4,62 điểm trên 10, xếp hạng 51 trên 64 tỉnh thành phố. Một số điểm chỉ tiêu cụ thể như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang		Đắk Lắk		Hưng Yên		Quảng Nam		Tỉnh tốt nhất
		Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	
	<b>Điểm chỉ số thành phần Chi phí thời gian</b>	<b>4,62</b>	<b>51/64</b>	<b>4,63</b>	<b>50/64</b>	<b>5,98</b>	<b>13/64</b>	<b>5,51</b>	<b>27/64</b>	
1	% doanh nghiệp mất hơn 10% thời gian trong năm tiếp xúc với các cán bộ Nhà nước nhằm hiểu rõ và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.	26,32%	46/64	30,85%	55/64	20%	18/64	21,77%	29/64	Quảng Trị (13,83%)
2	% doanh nghiệp cho rằng tổng số thời gian mà ban lãnh đạo doanh nghiệp bỏ ra để giải quyết các vấn đề liên quan đến quy định của Nhà nước giảm trong khoảng 2 năm gần đây.	24,30%	38/64	21,15%	23/64	28,70%	55/64	25,71%	45/64	Tuyên Quang (34,86%)
3	% doanh nghiệp cho rằng số lần thanh tra và kiểm tra năm 2007 giảm so với giai đoạn	24,30%	35/64	14,42%	61/64	18,26%	59/64	18,57%	54/64	Bến Tre (37,59%)

	trước đây									
4	Số lần thanh tra trung vị (của tất cả các cơ quan)	2	54-64/64	1	1-52/64	1	4-52/64	1	1-52/64	Hà Nội và nhiều tỉnh khác (1 lần)
4	Số giờ thanh tra thuế trung vị	4	14-20/64	8	26-41/64	3	1-13/64	8	26-41/64	Bến Tre (1 giờ)

### ***Chi phí không chính thức***

Đây là chỉ số thành phần mà cả bốn tỉnh đều đạt điểm ở mức cao và trung bình, đặc biệt tỉnh Hưng Yên đạt điểm cao nhất trong 64 tỉnh thành với 8,30 điểm trên 10. Điểm của các tỉnh còn lại là Quảng Nam đạt 7,05 điểm trên 10, xếp hạng 12 trên 64 tỉnh thành phố; An Giang đạt 6,65 điểm trên 10, xếp hạng 32 trên 64 tỉnh thành phố; Đắk Lắk đạt 6,49 điểm trên 10, xếp hạng 42 trên 64 tỉnh thành phố. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang		Đắk Lắk		Hưng Yên		Quảng Nam		Tỉnh tốt nhất
		Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	
	<b>Điểm chỉ số thành phần Chi phí không</b>	<b>6,65</b>	<b>32/64</b>	<b>6,49</b>	<b>42/64</b>	<b>8,30</b>	<b>1/64</b>	<b>7,05</b>	<b>12/64</b>	

	<b>chính thức</b>									
1	% doanh nghiệp cho rằng việc trả các khoản chi phí không chính thức gây khó khăn cho doanh nghiệp (Rất khó khăn hoặc Tương đối khó khăn)	24,29%	18/64	23,61%	14/64	27,71%	32	25,49%	23/64	Hà Tây (18,75%)
2	% doanh nghiệp đồng ý với nhận định “Các doanh nghiệp trong ngành của tôi thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức” (Hoàn toàn đồng ý hoặc Đồng ý)	70,97%	46/64	68,54%	41/64	54,46%	6/64	58,91%	14/64	Bến Tre (45,45%)
3	% doanh nghiệp trả trên 10% trong tổng thu nhập phải bỏ ra hàng năm để chi các khoản không chính thức cho cán bộ Nhà nước	13,64%	47/64	68,54%	25/64	2,13%	1/64	58,91%	24/64	Hung Yên (2,13%)
4	% doanh nghiệp cho rằng một số cán bộ cấp tỉnh sử dụng các quy định riêng của địa phương với mục đích trục lợi (Hoàn toàn đồng ý hoặc Đồng ý)	34,57%	25/64	35,90%	29/64	33,33%	18/64	29,31%	11/64	Đồng Tháp (20%)
5	% doanh nghiệp cho rằng nếu đã chi khoản chi không chính thức như yêu cầu, công việc được giải quyết đúng như mong muốn (Luôn luôn hoặc Trong hầu hết các trường hợp)	49,38%	31/64	40,26%	55/64	61,90%	3/64	41,12%	52/64	Hà Nội (62,09%)

***Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước (Môi trường cạnh tranh bình đẳng)***

Ưu đãi doanh nghiệp nhà nước là chỉ số thành phần cao của tỉnh Quảng Nam trong PCI 2008, được 8,09 điểm trên 10, xếp hạng 8/64. Chỉ số này là chỉ số trung bình của các tỉnh Hưng Yên, Đắk Lắk, An Giang, trong đó: Hưng Yên được 7,81 điểm trên 10, xếp hạng 17 trên 64 tỉnh thành phố; Đắk Lắk đạt 7,34 điểm trên 10, xếp hạng 40 trên 64 tỉnh thành phố; An Giang được 7,32 điểm trên 10, xếp hạng 41 trên 64 tỉnh thành phố. Một số điểm chỉ tiêu cụ thể như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang		Đắk Lắk		Hưng Yên		Quảng Nam		Tỉnh tốt nhất
		Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	
	<b>Điểm chỉ số thành phần Ưu đãi doanh nghiệp nhà nước (Môi trường cạnh tranh bình đẳng)</b>	<b>7,32</b>	<b>41/64</b>	<b>7,34</b>	<b>40/64</b>	<b>7,81</b>	<b>17/64</b>	<b>8,09</b>	<b>8/64</b>	
1	% doanh nghiệp cho rằng sự ưu đãi cho khu vực kinh tế nhà nước là cản trở đối với công việc kinh doanh của mình (Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	43,68 %	56/64	37,31 %	28	33,70 %	16	32,77 %	13	Trà Vinh (23,81%)
2	% doanh nghiệp đánh giá thái độ của chính quyền tỉnh đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân là tích cực (Tích cực)	57,73 %	48/64	53,06 %	31	50,49 %	24	57,03 %	46/64	Đồng Tháp (77,22%)

	hoặc Khá tích cực)									
3	% doanh nghiệp đánh giá thái độ của chính quyền tỉnh đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân đang được cải thiện	68,04 %	35/64	71,43 %	21/64	73,79 %	16/64	73,44 %	19/64	Hoà Bình (81,06%)
4	% doanh nghiệp cho rằng sự quan tâm của tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp dân doanh cho địa phương: như số lao động sử dụng, số thuế nộp cho Nhà nước... (Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	54,76 %	61/64	63,86 %	35/64	66%	25/64	57,76 %	56/64	Lai Châu (84,62%)
5	% doanh nghiệp cho rằng sự ưu đãi cho các công ty cổ phần hoá là cản trở đối với công việc kinh doanh của mình (Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	28,92 %	22/64	33,33 %	50/64	29,79 %	27/64	24,79 %	13/64	Hậu Giang (17,19%)
6	% doanh nghiệp đánh giá việc cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước địa phương tốt (Tốt hoặc Rất tốt)	23,46 %	40/64	18,42 %	53/64	26,44 %	29/64	34,86 %	8/64	Bình Dương (45,16%)
7	% thay đổi về số lượng doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý so với năm 2000	-0,49	48/64	-0,65	23/64	-0,86	3/64	-0,49	46/64	Hà Giang (-0,94)
8	Tỷ trọng nợ của DNNN của tỉnh trên tổng số	1,41	33/64	1,70	44/64	2,39	57/64	0,98	17/64	Long An

nợ của các doanh nghiệp của tỉnh/ Tỷ trọng doanh thu của DNNN của tỉnh trên tổng doanh thu của các doanh nghiệp của tỉnh										(0,28)
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--------

### ***Tính năng động của lãnh đạo tỉnh***

Điểm của 4 tỉnh ở chỉ số thành phần Tính năng động của lãnh đạo tỉnh đều ở mức khá cao. Trong đó, tỉnh An Giang đạt điểm cao nhất với 7,63 điểm trên 10, xếp hạng 4 trên 64 tỉnh thành phố, tiếp đến là Quảng Nam được 7,14 điểm trên 10, xếp hạng 7 trên 64 tỉnh thành phố; Hưng Yên được 6,61 điểm trên 10, xếp hạng 14 trên 64 tỉnh thành phố; Đắk Lắk được 6,34 điểm trên 10, xếp hạng 18/64 tỉnh thành phố. Các điểm chỉ tiêu cụ thể như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang		Đắk Lắk		Hưng Yên		Quảng Nam		Tỉnh tốt nhất
		Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	
	<b>Điểm chỉ số thành phần Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh</b>	<b>7,63</b>	<b>4/64</b>	<b>6,34</b>	<b>18/64</b>	<b>6,61</b>	<b>14/64</b>	<b>7,14</b>	<b>7/64</b>	
1	UBND tỉnh rất linh động trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân (% <i>Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý</i> ).	85,42%	6/64	77,78%	30/64	84,16%	9/64	80,80%	17/64	Vĩnh Phúc (91,41%)



2	UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới nảy sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý).	72,04%	15/64	68,42%	20/64	71,43%	17/64	72,13%	13/64	Bình Dương (85,05%)
3	Có những sáng kiến tốt ở cấp tỉnh, nhưng các đạo luật và quy định của Trung ương đã cản trở chúng (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý).	48,75%	2/64	38,03%	8/64	30,23%	30/64	37,84%	9/64	Thành phố Hồ Chí Minh (55,17%)
4	Không có sáng kiến gì từ cấp tỉnh, tất cả các chính sách đều từ Trung ương (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý).	26,58%	17/64	32,31%	30/64	29,03%	23/64	20,87%	4/64	Đà Nẵng (17,95%)

### ***Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân***

Ở điểm chỉ số thành phần Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân, bốn tỉnh An Giang, Đắk Lắk, Hưng Yên, Quảng Nam đạt điểm cao và trung bình trong 64 tỉnh thành phố. An Giang đạt 4,87 điểm trên 10, xếp hạng 8 trên 64 tỉnh thành phố, Đắk Lắk đạt 3,70 điểm trên 10, xếp hạng 22 trên 64 tỉnh thành phố; Hưng Yên đạt 3,79 điểm trên 10, xếp hạng 20 trên 64 tỉnh thành phố; Quảng Nam đạt 3,76 điểm trên 10, xếp hạng 34 trên 64 tỉnh thành phố. Các điểm chi tiêu cụ thể như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang	Đắk Lắk	Hưng Yên	Quảng Nam	Tỉnh tốt nhất
-----	--------------	----------	---------	----------	-----------	---------------

		Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	
	<b>Điểm chỉ số thành phần Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân</b>	<b>4,87</b>	<b>8/64</b>	<b>3,70</b>	<b>22/64</b>	<b>3,79</b>	<b>20/64</b>	<b>3,76</b>	<b>21/64</b>	
1	Thông tin kinh doanh (về các thị trường tiềm năng) do cơ quan tỉnh cung cấp (% <i>Rất tốt hoặc Tốt</i> )	26,37%	13/64	30,95%	3/64	22,58%	22/64	19,67%	34/64	Bình Dương (34,86%)
2	Hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (% <i>Rất tốt hoặc Tốt</i> )	16,48%	15/64	12,05%	30/64	9,57%	44/64	11,61%	32/64	Bình Dương (30,00%)
3	Xúc tiến thương mại và triển lãm thương mại (% <i>Rất tốt hoặc Tốt</i> )	36,26%	6/64	19,05%	38/64	17,89%	42/64	25,66%	21/64	Đà Nẵng (48,84%)
4	Phát triển khu/cụm công nghiệp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (% <i>Rất tốt hoặc Tốt</i> )	19,10%	46/64	26,19%	31/64	47,31%	4/64	38,46%	15/64	Bình Dương (72,90%)
5	Công nghệ và các dịch vụ liên quan đến công nghệ (% <i>Rất tốt hoặc Tốt</i> )	25,88%	8/64	11,25%	51/64	14,44%	37/64	16,96%	25/64	Đà Nẵng (20,18%)

6	Số lượng hội chợ và triển lãm thương mại do tỉnh tổ chức trong năm 2006 và kế hoạch năm 2007 <sup>5</sup>	11	6/64	5	27/64	6,5	19/64	5,5	24/64	Hà Nội (20)
7	Số lượng doanh nghiệp dân doanh cung cấp dịch vụ công tại tỉnh	8	10/64	1	32- 42/64	3	19- 24/64	7	13/64	TP.Hồ Chí Minh (100)

### ***Đào tạo lao động***

Cả bốn tỉnh đều chỉ đứng ở vị cuối của nhóm các tỉnh xếp thứ hạng trung bình trong điểm số này. Cụ thể, điểm của tỉnh An Giang là 4,9 điểm trên 10, xếp hạng 21 trên 64 tỉnh thành phố; điểm của tỉnh Đắk Lắk là 4,85 điểm trên 10, xếp hạng 22 trên 64 tỉnh thành phố; điểm của tỉnh Hưng Yên là 3,72 điểm trên 10 xếp hạng 44 trên 64 tỉnh thành phố; điểm của tỉnh Quảng Nam là 4,13 điểm trên 10, xếp hạng 35 trên 64 tỉnh thành phố. Các điểm chỉ tiêu cụ thể như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang		Đắk Lắk		Hưng Yên		Quảng Nam		Tỉnh tốt nhất
		Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	
	<b>Điểm chỉ số thành phần Đào tạo lao động</b>	<b>4,9</b>	<b>21/64</b>	<b>4,85</b>	<b>22/64</b>	<b>3,72</b>	<b>44/64</b>	<b>4,13</b>	<b>35/64</b>	

<sup>6</sup> Nguồn: Các UBND và Sở Thương mại các tỉnh cung cấp cho nhóm nghiên cứu.

1	% doanh nghiệp đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo tốt (Tốt hoặc Rất tốt)	47,42 %	8/64	37,80%	26/64	35,11%	34/64	40%	19/64	Vĩnh Long (56,90%)
2	% doanh nghiệp đánh giá chất lượng đào tạo nghề cho người lao động tốt (Tốt hoặc Rất tốt)	30,85 %	12/64	19,05%	38/64	21,88%	24/64	30,43%	14/64	Vĩnh Long (46,28%)
3	% doanh nghiệp đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ tuyển dụng và môi giới lao động tốt (Tốt hoặc Rất tốt)	24,42 %	13/64	20,73%	22/64	15,79%	34/64	16,81%	32/64	Đồng Tháp (41,79%)
4	Số lượng trường dạy nghề do địa phương quản lý trên 10.000 dân	0,22	60/64	0,74	35/64	0,09	64/64	0,81	30/64	Ninh Bình (2,05)
5	Số lượng trung tâm giới thiệu việc làm trên 10.000 dân	0,13	45/64	0,11	53/64	0,26	24/64	0,2	28/64	Đà Nẵng (0,62)

### ***Thiết chế pháp lý***

Có hai tỉnh An Giang, Quảng Nam đứng ở nhóm điểm cao và hai tỉnh Đắk Lắk, Hưng Yên đứng ở nhóm điểm trung bình ở Chỉ số Thiết chế pháp lý trong 64 tỉnh thành phố. An Giang đạt 5,44 điểm trên 10, xếp hạng 15 trên 64 tỉnh thành phố. Quảng Nam

đạt 5,45 điểm trên 10, xếp hạng 15 trên 64 tỉnh thành phố. Hưng Yên đạt 4,74 điểm trên 10, xếp hạng 31 trên 64 tỉnh thành phố. Đắk Lắk đạt 4,11 điểm trên 10, xếp hạng 43 trên 64 tỉnh thành phố. Các điểm chỉ tiêu cụ thể như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	An Giang		Đắk Lắk		Hưng Yên		Quảng Nam		Tỉnh tốt nhất
		Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	
	<b>Điểm chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý</b>	<b>5,44</b>	<b>15/64</b>	<b>4,11</b>	<b>43/64</b>	<b>4,74</b>	<b>31/64</b>	<b>5,45</b>	<b>15/64</b>	
1	Hệ thống pháp lý, hành chính có cơ chế thuận lợi để doanh nghiệp khởi kiện các hành vi phiền hà, tham nhũng của cán bộ Nhà nước (Luôn luôn hoặc Trong phần lớn các trường hợp)	44,19%	6/64	34,57%	26/64	31,31%	42/64	38,94%	16/64	Trà Vinh (53,62%)
2	% doanh nghiệp tin rằng hệ thống pháp luật, tư pháp của tỉnh sẽ bảo vệ hợp đồng và các quyền tài sản trong các tranh chấp liên quan đến hoạt động kinh doanh	88,04%	11/64	82,67%	27/64	84,21%	21/64	89,57%	9/64	Vĩnh Phúc (92,68%)
3	% doanh nghiệp lựa chọn Tòa án tỉnh là một trong ba cách thức đầu tiên giải quyết tranh chấp của mình.	42,99%	41/64	35,58%	49/64	54,78%	18/64	89,57%	2/64	Quảng Trị (82,88%)

4	Số vụ tranh chấp xét xử tại Tòa án kinh tế cấp tỉnh (bên nguyên là doanh nghiệp dân doanh) bình quân trên 100 doanh nghiệp đang hoạt động của năm 2007	3,52	5/64	2,29	18/64	0,89	40/64	2,50	13/64	Đà Nẵng (6,97)
5	Tỷ lệ số vụ tranh chấp (bên nguyên là doanh nghiệp dân doanh) so với tổng số vụ tranh chấp xét xử tại Tòa án kinh tế cấp tỉnh	39,32%	48/64	24,22%	53/64	66,67%	30/64	37,50%	49/64	TT-Huế (100%)